

KHAI THỊ CỦA ĐẠI SƯ HÁM SƠN

Việt dịch: Thích Hằng Đạt

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 5-8-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

Đàm luận về sự cảm ứng

Sự thiết yếu của việc niệm Phật cùng tham thiền

Ưu bà tắc kết niệm Phật xã

Bài khai thị về những điểm thiết yếu khi niệm Phật

Pháp môn tu Tịnh Độ. (9/14) 3-6

Khai thị cho thị giả Đăng Ngu. (7/21) 3-7

Khai thị cho Nhan Trung Tiên trì chú Chuẩn Đề. (7/47) 3-9

Khai thị cho Từ Tịnh Chi. 3-10

Khai thị cho Ngô Khải Cao. (10/12) 3-11

Bài tựa về Tịnh Độ Chỉ Quy. (19/20) 3-12

Thơ đáp Đức Vương. (10/24) 3-14

Khai thị 'Tham Thiền Thiết Yếu. 4-15

Khai thị cho cư sĩ Vương Hiền Ngung. (7/32) 4-17

Khai thị cho Phùng Sanh Văn Nhụ. (3/13) 5-19

Khai thị cho thiền nhân Thạch Ngọc. (7/30) 6-25

Khai thị cho thiền nhân Vô Sanh. (2/18) 6-28

Khai thị cho thiền nhân Tự Giác. (8/13) 6-30

Khai thị cho thiền nhân Bảo Quý Bồn Tịnh. (2/50) 7-32

Khai thị cho thiền nhân Pháp Cẩm. (2/54) 7-34

Khắc bài tựa về Phật sự Du Già. (20/6) 7-35

Đàm luận về sự cảm ứng

Phật dạy rằng tất cả nhân quả thiện ác trên thế gian như bóng theo hình, không sai chạy tơ hào. Song, những kẻ không tin tưởng luật nhân quả thì cho đó là lời rỗng tuếch. Ngoài ra, nhiều người do tin tưởng thuyết 'An Mạng (an phận thủ thường)' của Không Tử nên thường đổ trút cho vận mạng, và chỉ cầu phước báo, cùng thích nghe những điều tốt lành mà bỏ ngoài tai những việc xấu xa tai họa. Đây là những kẻ hàm hồ ngu muội. Thật ra, cuộc đời sanh tử chỉ như một ngày đêm. Khái niệm luân hồi trong ba thời (quá khứ hiện tại vị lai) giống như hôm nay và ngày trước.

Ví như trong cuộc sống hằng ngày, lúc mời khách đến nhà dự tiệc, thì phải chuẩn bị đặt để thức ăn nước uống cho trang trọng đầy đủ. Nếu có thiếu sót món chi tức là lo lắng không chu đáo. Đó là lẽ tất nhiên.

Cuộc đời nhân sanh, những việc thọ mạng dài ngắn (chánh báo), gia sản tài vật (y báo), sự nghiệp công danh, cùng phú quý bần tiện đều tùy thuộc vào nghiệp nhân đã trồng trong tiền kiếp. Những sự thọ dụng trong đời nay đều không phải từ bên ngoài mang đến, mà hoàn toàn là do tự làm tự hưởng. Vì vậy có câu: " Muốn biết nghiệp nhân đời tiền kiếp, hãy nhìn báo ứng đang thọ. Muốn biết quả báo đời vị lai, hãy xem đang làm những gì."

Thế nhân tự thị ý vào tài năng học thức để đạt công danh phú quý, nhưng chẳng hề biết rằng việc này khó xảy ra, vì chủ yếu chính là do nhân lành đã tự trồng trong tiền kiếp kết hợp với khả năng tài trí trong hiện tại mới tạo dựng được. Do đó, nếu vui mừng hớn hở khi được công danh phú quý thì rất sai lầm.

Lại nữa, lúc bị người khác phá hoại công danh phú quý, liền khởi tâm oán hận, mà chẳng biết rằng phần phước mình chỉ có thể thôi. Phần phước báo bị người khác phá tan thật ra chẳng phải là của mình, hoặc là vì thiếu nợ người đó nên phải trả. Vì vậy, đau khổ ưu sầu, oán trời trách đất, thậm chí kết thành cừ oán không thể xả bỏ thì cũng là sai lầm.

Do đó, phải nên biết pháp 'An Mạng' của Không Tử tức là thuyết nhân quả của Phật giáo. Nếu hiểu lý 'An Mạng' thì sẽ chấp nhận rằng sang hèn được mất đều tùy thuộc vào nhân xưa, vốn tự làm tự thọ. Nghèo cùng hay hiển đạt, mạng ngắn hoặc dài đều do nhân đời tiền kiếp chủ định. Thật vậy, nếu hiểu rõ và tin tưởng quy luật nhân quả, thì sẽ chấp nhận rằng tất cả sự thọ dụng trong hiện tại đều phát xuất từ những nghiệp nhân đã trồng vào đời tiền kiếp, chớ chẳng phải do người khác đem đến, hay nhờ tài trí mới đạt được. Dầu có đạt được bằng tài trí, thì đó chẳng qua là phần phước của mình.

Thế nên, sao lại khổ sở đăm chấp, lao tâm nhọc sức, lo lắng ưu sầu những việc được mất, thậm chí vọng tích bao oán thù ! Nếu là người thông minh sáng suốt, thì phải thâm tín nhân quả báo ứng, mà không chấp trước vào những việc đắc thất trong hiện tại, chỉ nên căn cứ điều kiện hiện hữu, để trồng nhân lành vào ruộng phước cho tương lai. Ví như người nông dân, phải biết chọn đất phì nhiêu để gieo trồng giống tốt, rồi siêng năng cấy cày, thì nhất định sẽ thu hoạch được đầy ắp lúa mạ trong mùa thu. Đây là việc

hiển nhiên. Có khác biệt chẳng trong sự thu hoạch là do việc bỏ phân bón ít nhiều.

Đức Phật dạy: " Cúng dường Phật, Pháp, Tăng thì gọi là gieo nhân lành vào ruộng phước thù thắng. Hiếu thảo với cha mẹ thì gọi là gieo nhân lành vào ruộng phước cung kính. Cứu giúp những kẻ nghèo cùng khổ thì gọi là gieo nhân lành vào ruộng phước tâm thức."

Tôi hy vọng những bậc trí sĩ sẽ không ưu sầu về những sự được mất trong dĩ vãng, mà chỉ lo gieo nhân lành vào ruộng phước cho tương lai. Nếu giảm bớt tiêu xài vào những việc phung phí hay vô ích cùng tiết chế chi tiêu cho việc ăn mặc, rồi dùng những phần được tiết kiệm trồng trong ba loại ruộng phước ở trên, thì không những đời vị lai được tăng phước đức trang nghiêm mà hiện thế thân an tâm lạc, và trở thành người có phước lành bậc nhất.

Nếu thường gieo giống lành vào ba loại ruộng phước bên trên, lại còn lưu tâm về Phật pháp như dùng cách niệm Phật để dẹp trừ tâm vọng tưởng, dùng từ bi để chuyển hóa sân si, dùng nhu hòa để cảm hóa cường bạo, dùng khiêm tốn để chiết phục ngã mạn, thì đó là hạnh của bậc Bồ Tát phát đại tâm. Nếu có tín tâm chân thật, thì được gọi là đại trượng phu dũng mãnh tối thắng !

Sự thiết yếu của việc niệm Phật cùng tham thiền

Người thẩm sát công án niệm Phật, phải đơn độc đề cử một âm thanh 'A Di Đà Phật' làm thoại đầu. Nơi đề khởi, phải hạ nghi tình, thẩm vấn xem người niệm Phật là ai. Lại đề cử lại thẩm xét, xem coi rốt ráo người niệm Phật là ai. Quyết bám tựa câu thoại đầu này như thế, thì tất cả vọng tưởng tạp niệm đều bị đốn đoạn, như chặt dây nhợ. Lại không dung dưỡng cho chúng khởi lên, vì nơi khởi tức bị tiêu mất, mà chỉ còn một niệm, đơn độc sáng suốt rõ ràng, như mặt trời lơ lửng trên không trung, thì vọng niệm không sanh, hôn mê tự thối tán, tịch tịch tỉnh tỉnh. Đại sư Vĩnh Gia thuyết:

"Tịch tịch tỉnh tỉnh là phải

Tịch tịch vô ký là sai

Tỉnh tỉnh tịch tịch là phải

Tỉnh tỉnh loạn tưởng là sai."

Đây là dạy rằng tịch tịch mà không lạc vào hôn trầm vô ký. Tỉnh tỉnh mà không lạc vào vọng tưởng. Tịch tịch song lưu, phù trầm đều xả. Xem đến nơi một niệm chưa sanh, thì tiền hậu tế đều đoạn, chính giữa tự cô độc, tức khắc đập thủng thùng nước sơn, bèn thấy bản lai diện mục. Thân tâm thể giới lập tức bình trầm, như hoa rơi trong hư không. Mười phương tròn đầy trong sáng, thành một tạng đại quang minh. Như thế chính là thời tiết trở về nhà. Nhật dụng hiện tiền, viên minh trong sáng, nên không còn nghi ngờ, tin chắc tự tâm, gốc vốn như thế. Từ trên Phật Tổ, nơi tự thọ dụng, không hai không khác. Đến cảnh giới đó, chớ nên giữ chấp không kiến (thấy không). Nếu giữ chấp không kiến, thì đọa vào ngoại đạo ác kiến. Lại không thể khởi hữu kiến, cùng tri kiến huyền diệu, vì còn hữu kiến tức đọa vào tà kiến. Nếu ngay trong công phu, xuất hiện bao loại cảnh giới, quyết chẳng nhìn nhận chúng; nghe một tiếng quát liền tiêu. Cảnh ác hiện chớ sợ, và cảnh lành chớ vui, vì chúng chính là con ma tập khí. Nếu sanh tâm vui mừng, tức đọa vào đường ma. Phải quán biết đó là hiện cảnh của tự tâm, không từ ngoài vào. Phải biết bản lai thanh tịnh, trong tâm không một vật để liễu tri. Gốc vốn không mê ngộ, chẳng chực nơi thánh phàm, thì còn an đắc bao loại cảnh giới sao !

Ngày nay vì mê bản tâm này, nên phải dụng công phu, để tiêu ma vô minh tập khí. Nếu ngộ bản tâm xưa nay không có một vật, vốn sáng suốt bao la, thanh tịnh lặng lẽ, thì thông dong tự tại qua ngày, sao còn có công phu nào để hành !

Người thời nay phải tin tâm này, xưa nay vốn không một vật. Như nay dụng công phu, chỉ vì chưa thấy được bản lai diện mục đó, nên phải quyết hạ thủ công phu, thì mới mong có ngày trở về quê nhà. Từ đó mà thẳng bước, thì tự nhiên sẽ có lúc đốn ngộ bản lai diện mục, tức là xuất ra khỏi sanh tử, mãi mãi không nghi ngờ.

Ưu bà tắc kết niệm Phật xả

Đức Phật trụ thế, thuyết pháp lợi sanh, khiến bốn chúng đều được đắc độ. Ngài tùy cơ giáo hóa, mỗi mỗi đều có phương tiện quyền xảo, khiến tất cả mọi loài đều được lợi ích. Thí như trời mưa, cỏ cây đều được thấm nhuần, tùy theo loại lớn nhỏ mà được sung túc, sanh trưởng. Thế nên tuy pháp môn có thiên sai vạn biệt, nhưng quay về nguồn thì không hai. Nếu dùng Phật tánh mà quán sát chúng sanh, thì không có loài nào mà chẳng được độ. Dùng tự tâm mà quán xét Phật tánh, thì ai ai cũng đều tu được cả. Song, chúng

sanh tự mê muội mà không biết điều này. Lại vì không có thiện tri thức chân chánh dẫn dắt chỉ dạy, nên phải cam chịu trầm luân, uổng thọ bao khổ não.

Vì vậy, lúc tổ Huệ Năng vừa đến, ngũ tổ Hoàng Mai liền hỏi: "Người là người xứ nào?"

Đáp: "Người Lãnh Nam."

Ngũ Tổ hỏi: "Người Lãnh Nam mọi rợ sao có Phật tánh ư?"

Huệ Năng đáp: "Người có phân nam bắc, nhưng Phật tánh chẳng hề có hai."

Lời này lưu bố khắp nhân gian, như tiếng sấm nổ, khiến loài sâu bọ phải khiếp đảm. Lời này lưu bố khắp nhân gian. Vùng Lãnh Nam trở thành cội nguồn của thiền đạo Phật pháp, khiến xuất sanh bao bậc trí giả và ngộ đạo. Từ khi Lục Tổ hoàng hóa, đạo pháp được lưu truyền khắp Trung Nguyên. Ngày nay, trước cửa môn đình, cảnh tượng tiêu điều, cỏ dại mọc khắp nơi cả ngàn năm. Nhiều người đàm luận cho rằng đó chẳng phải là vùng đất của thiện căn. Đây thật chưa đạt được ý chỉ Phật tánh.

Tôi mộng từ ân (của nhà vua) chuyên đến Lô Dương vào mùa xuân năm Bình Dân. Đến mùa thu năm đó thì tới Ngũ Dương. Trong tường thành chú giải hoàn toàn bộ kinh Lăng Già. Mùa hè năm Mậu Tuất diễn giảng cho chư đệ tử. Trong mỗi lần ngồi tọa, thấy chư thiện nam tử hậu bối, gắng gọi mà đến. Tôi rất mực khen ngợi. Lại có hơn mười vị thiện sĩ lễ bái, khát cầu thọ năm giới của ưu bà tắc. Tôi vui mừng chấp thuận, nên làm pháp Yết Ma. Họ tự quy tâm ngày một tín thành, dốc lòng lắng nghe Phật pháp. Tôi thương cho họ chưa liễu ngộ và chưa biết tấn tu công phu tự độ. Vì vậy, tôi dùng niệm Phật tam muội, dạy họ chuyên tâm nơi tịnh nghiệp, chán chường duyên khổ, mà quy hướng Cực Lạc. Trong kỳ hội mỗi tháng, lập ra quy chế; trong ba thời tu hành xưng danh lễ bái tụng đọc sám hối. Vì muốn tín tâm ngày càng khẩn thành, tội chướng ngày càng tiêu bớt, nên phải phát khởi nguyện vãng sanh. Nếu quả tình hành theo pháp môn này, thì tuy thân tại trần lao, mà có thể bảo rằng sống không hư, chết không phóng túng. Chẳng phải là công hạnh chân thật sao!

Phật là giác, tức là Phật tánh của chúng sanh. Vì mê mà làm chúng sanh. Nếu ngộ thì gọi là Phật. Ngày nay niệm Phật, tức tự tánh Di Đà. Cầu vãng sanh cõi Tịnh Độ, tức duy tâm Cực Lạc. Quý vị nếu thường niệm niệm mà chẳng quên mất, thì tâm tâm Di Đà sẽ xuất hiện, và từng bước lần lần sẽ đến quê hương Cực Lạc. Cần gì vọng mong nơi ngoài mười vạn ức cõi nước, còn

có cõi Tịnh Độ để quy hướng ! Thế nên, đạo tâm tịnh thì cõi nước thanh tịnh. Tâm cấu uế thì cõi nước uế trược. Do đó, một niệm ác vừa dấy khởi, thì rừng kiếm cây đao liền vung dậy. Một niệm lành sanh, thì đất báu hồ sen liền hiện rõ. Thiên đường địa ngục, sao lại ngoài tâm này ư !

Chư thiện nam tử ! Xin hãy suy nghĩ chính chắn, phải luôn thống niệm sanh tử đại sự, vô thường mau mắn. Một khi mất thân này, thì muôn kiếp khó hoàn phục lại. Mặt trời mặt trăng luôn xoay chuyển, và thời gian chẳng đợi mình. Nếu phụ duyên này, thì quá sai lầm. Khi đại hạn đến, hối hận chẳng kịp. Quý vị mỗi mỗi hãy nỗ lực. Trân trọng ! Trân trọng !

Bài khai thị về những điểm thiết yếu khi niệm Phật

Pháp môn niệm Phật cầu vãng sanh cõi tây phương Cực Lạc, vốn là đại sự cắt đứt dòng sanh tử. Vì vậy bảo rằng niệm Phật liễu được sanh tử. Người đời nay phát tâm niệm Phật vì muốn cắt đứt dòng sanh tử. Chỉ cần xưng danh hiệu Phật là có thể cắt đứt dòng sanh tử.

Song, nếu không biết cội gốc của sanh tử, niệm Phật mãi thì rốt ráo sẽ đi về đâu ? Nếu niệm Phật mà không đoạn được cội gốc của sanh tử thì làm sao cắt đứt dòng sanh tử ? Cội gốc của sanh tử là gì ? Cổ nhân nói: " Nghiệp bất trọng bất sanh Ta Bà. Ái bất đoạn bất sanh Tịnh Độ."

Thế nên, biết rõ ái dục là cội gốc của sanh tử. Khiến tất cả chúng sanh thọ khổ sanh tử đều do ái dục. Cội gốc ái dục này không phải chỉ hiện hữu trong một hoặc hai, ba, bốn đời, mà nó đã tự có sẵn từ đời vô thủy cho đến ngày nay. Sanh sanh thế thế, xả thân thọ thân, đều do lưu chuyển theo ái dục. Ngày nay, suy nghĩ nhìn lại, xem coi lúc nào có một niệm tạm đoạn cội gốc ái dục này đâu. Hạt giống ái căn, bao kiếp tích lũy sâu dày, nên khiến sanh tử không cùng tận. Ngày nay vừa phát tâm niệm Phật, nếu chỉ vọng không cầu sanh Tây Phương mà danh tự ái dục tức cội gốc của sanh tử lại không biết đến, thì khi nào mới có niệm đoạn được nó ? Không biết cội gốc của sanh tử, nên một bên niệm Phật, một bên cội gốc sanh tử lại càng sanh trưởng nhiều hơn. Cả hai việc niệm Phật và cội gốc sanh tử chẳng quan hệ với nhau. Dầu niệm cách nào đi nữa, đến lúc lâm chung quý vị chỉ thấy sanh tử ái căn hiện tiền. Khi đó lại cho rằng Phật hoàn toàn không đắc lực, nên liền oán trách niệm Phật không linh nghiệm, dầu sau này có hối hận cũng không kịp.

Vì vậy, khuyên người niệm Phật thời nay, đầu tiên phải biết ái dục là cội gốc của sanh tử. Ngày nay dốc lòng niệm Phật, thì niệm niệm phải đoạn ái căn này. Trong cuộc sống hằng ngày, ở nhà niệm Phật; mắt thấy vợ con cháu chắt, gia duyên tài sản, đều không nên đắm trước ái nhiễm, thì làm việc nào và niệm niệm nào cũng đều vì sanh tử, như toàn thân đang đứng trong hầm lửa. Lúc chưa biết cách chân chánh niệm Phật, thì niệm ái dục trong tâm chưa có thể xả bỏ. Lúc chân chánh niệm Phật, chỉ bảo rằng niệm không thiết tha và chẳng biết ái dục là chủ tể, nên chỉ niệm Phật ngoài da. Nếu như thế thì Phật chỉ nghe niệm, còn ái dục thì lại tăng thêm. Lúc cảnh tình của vợ con hiển hiện, phải xoay nhìn vào tâm. Nếu một danh hiệu Phật có thể đối địch với ái dục, thì sẽ cắt đoạn được ái căn. Nếu không cắt được ái dục thì làm sao đoạn được sanh tử. Do tập khí của duyên ái trong bao đời đã chín mùi mà nay chỉ mới bắt đầu niệm Phật, lại không thiết thật niệm Phật, thì không thể niệm Phật đắc lực được. Nếu trước mắt không thể kèm chế được ái cảnh thì khi lâm chung quyết không thể tự làm chủ được.

Vì vậy khuyên người niệm Phật, việc thứ nhất là phải biết vì sanh tử mà thiết tha niệm Phật, phải có tâm thiết tha đoạn sanh tử, phải dùng niệm niệm mà đốn đoạn cội gốc sanh tử. Lúc niệm niệm đều liễu được sanh tử thì cần gì đợi đến ngày ba mươi tháng chạp ! Nếu đợi đến lúc đó thì đã trễ lắm rồi !

Do đó bảo rằng trước mắt luôn nghĩ đến sanh tử đại sự. Trước mắt liễu được sanh tử vốn không. Niệm niệm thiết thật, thì đao dao đều chặt đứt. Dụng tâm như thế, nếu không vượt khỏi sanh tử thì chư Phật bị đọa vì tội vọng ngữ !

Do đó người xuất gia kẻ tại gia, biết rõ tâm sanh tử tức là biết rõ thời tiết xuất ly sanh tử, sao còn diệu pháp nào khác nữa !

Bài khai thị về ông Tây Ân Tịnh chuyên tu Tịnh Độ. (8/45) 3-5

Đại sĩ phu trong đời cận thế đa số đều hướng về tai miệng, phóng túng đàm luận ngọn ngành, đều tôn trọng việc tham thiền là hướng thượng, nên bài bác không tu theo Tịnh Độ. Cho đến những đệ tử lớn của tôi, đa phần tập tành theo những ngôn cú của chư cổ đức, chỉ có miệng lưỡi lanh lợi, chỉ hướng theo danh tướng, nên pháp môn ngày càng suy vi. Không những thực hành chẳng được gì mà lại phỉ báng kinh điển đại thừa cho là văn tự, không muốn thân cận. Gặp những người vô minh nhận tri thức thì làm sao tránh được những những làn sóng cuộn. Thật rất đáng sợ !

Đa số họ không hiểu thâm sâu về thừa giáo, và không biết rõ việc độ sanh của chư Phật, tức vì phương tiện nên thuyết ra nhiều pháp môn, nhưng xoay

về cội nguồn thì không hai tông chỉ. Thế nhân không biết môn hạ của chư tổ sư, dùng việc ngộ đạo làm tối thượng, và ngộ tâm làm bản ý.

Muốn xuất khỏi sanh tử, niệm Phật chẳng phải là pháp xuất ly sanh tử sao ? Tham thiền đa số khó xuất ra khỏi sanh tử, mà niệm Phật thì chắc chắn sẽ xuất khỏi sanh tử, không nghi ngờ chi. Tham thiền phải rời bỏ vọng tưởng. Niệm Phật thì chuyên giữ tại tư tưởng. Chúng sanh đã lâu nhiễm sâu trong vọng tưởng, nên muốn xa rời chúng lại rất khó. Nếu chuyển được vọng niệm ô uế thành vọng niệm thanh tịnh thì đó là cách dùng độc trị độc, tức là pháp hoán đổi. Tham cứu thiền rất khó ngộ, mà niệm Phật lại dễ thành. Nếu như tâm thiết tha vì sanh tử, dùng tâm tham cứu mà niệm Phật, thì sao lo gì một đời không cắt được sanh tử !

Đối với pháp môn Tịnh Độ, thế nhân dùng mắt mà cân nhắc đo lường, nào biết đó là pháp môn rất chân thật vi diệu. Hãy xem rõ ngài Phổ Hiền, dùng pháp giới làm thân, tu mười đại hạnh nguyện, mà chỉ muốn quy về Tịnh Độ. Tổ sư Mã Minh truyền tâm ấn cho chư tổ sư, và dùng hàng trăm bộ kinh đại thừa để viết bộ luận Khởi Tín, mà cứu cánh lại quy kết về Tây Phương. Chư tổ sư truyền đăng ở cõi Đông Độ, tuy không nói rõ về Tịnh Độ, nhưng lúc đã ngộ tâm tức đã xuất sanh tử, không quy về Tịnh Độ, thì há trở thành đoạn diệt sao ! Ngài Vĩnh Minh hiểu thấu ý nghĩa hết cả đại tạng kinh chỉ quy về nhất tâm, lại cũng quy nhiếp về Tịnh Độ. Vào lúc thiên tông cực thịnh, mà ngài Trung Phong cũng cực lực tán dương cõi Tây Phương. Huống nữa pháp môn này, do đức bản sư Thích Ca vô vãn tự thuyết, và mười phương chư Phật đồng tán dương ! Há chư Phật, chư Bồ Tát, chư đại tổ sư lại nói những lời vọng đàm như chúng sanh nghiệp cấu hiện thời sao !

Tịnh Công trung niên xả ái mà xuất gia. Đầu tiên theo đại sư Tử Bá tham thiền, và thọ yếu chỉ thiền cơ. Ngày nay đối với pháp môn Tịnh Độ, nguyện tu mà chưa quyết chắc. Vì vậy lão nhân bảo rằng việc này không cần phải hỏi người khác, chỉ xem tự mình có vì việc sanh tử hay không. Nếu tâm vì sự sanh tử, như cứu lửa cháy đầu, mà chỉ muốn giải quyết cho xong trong một đời. Ví dụ, một kẻ bệnh nặng chắc phải chết. Có người tìm được phương thuốc có thể cứu chữa. Nếu người nào dùng thang thuốc này, thì có thể sống dậy từ trong cái chết. Song, chỉ do người bệnh có tâm quả quyết, tin phục vào thang thuốc kia. Không cần phải tìm thang thuốc khác, mà chỉ dùng thang thuốc này, thì tức khắc thân thông mồ hôi chảy, rồi bèn sống lại. Lúc ấy mới tin diệu dụng của thang thuốc này.

Thế nên, phải tin chắc pháp môn này, mà chuyên tâm nhất chí. Đến lúc lâm chung, bèn tự biết cõi đó. Hà tất phải hỏi người khác. Hãy cố gắng mà hành. Quyết chẳng để người khác lừa !

Pháp môn tu Tịnh Độ. (9/14) 3-6

Thiền nhân Hải Dương từ xa tham tầm đến Khuông Sơn, cầu thọ giới pháp, được pháp danh là Thâm Ngu, rồi dâng hoa cầu pháp." Đệ tử phát nguyện cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ. Thế nên, kết cùng cả ngàn pháp lữ, đồng hội tụ một nơi, chuyên tu tịnh nghiệp. Khất nguyện từ bi, dạy bảo pháp yếu."

Lão nhân vì đó mà bảo rằng Phật thuyết pháp tu hành xuất sanh tử, phương tiện tuy có nhiều môn, mà chỉ có pháp môn niệm Phật cầu vãng sanh là thẳng tắt. Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, pháp môn viên diệu, Phổ Hiền diệu hạnh, rốt ráo chỉ quy Tịnh Độ. Mã Minh, Long Thọ, cùng chư đại tổ sư ở cõi này như Vĩnh Minh, Trung Phong, đều cực lực chủ trương pháp môn Tịnh Độ. Pháp môn này do Phật tự thuyết, vốn bao trùm ba căn, độ khắp bốn chúng, chẳng phải vì kẻ hạ căn mà quyền thiết. Kinh nói:" Nếu muốn tịnh cõi Phật, thì phải thanh tịnh tự tâm."

Ngày nay tu hành tịnh nghiệp, thì phải lấy việc thanh tịnh thân tâm làm gốc. Muốn tịnh tự tâm, thứ nhất là phải thanh tịnh giới căn. Vì mười việc ác của thân miệng ý vốn là nhân khổ của ba đường ác, nên nay phải cần trì giới, khiến cho ba nghiệp được thanh tịnh, tức tâm tự tịnh. Nếu thân không giết hại, ăn cắp, tà dâm, nói láo thì thân nghiệp thanh tịnh. Nếu miệng không nói láo, nói lười hai chiều, nói lời ác độc, nói lời thù dật thì khẩu nghiệp thanh tịnh. Nếu ý không tham lam, sân hận, si mê, thì ý nghiệp thanh tịnh. Mười việc ác này mỗi đoạn dứt, ba nghiệp trong xanh, đó là điều thiết yếu của sự tịnh tâm.

Trong lúc thanh tịnh thân tâm, phải dấy khởi tâm chán khổ nơi cõi Ta Bà, mà phát nguyện vãng sanh về miền an dưỡng; lập chánh hạnh niệm Phật; tâm niệm Phật phải thiết tha vì sanh tử. Đầu tiên, ngoài đoạn ngoại duyên. Kế đến, bên trong đơn độc đề khởi nhất niệm. Dùng một câu A Di Đà Phật làm mạng căn. Niệm niệm không quên, tâm tâm chẳng đoạn. Trong hai mươi sáu thời, đi đứng nằm ngồi, cử động gân cốt, xoay mình cúi ngửa, động tịnh đều quên. Trong mọi thời, không u mê không ngu muội, lại chẳng làm duyên khác. Dụng tâm như thế, lâu ngày thuần thực, cho đến trong mộng, cũng không quên mất; thức ngủ như nhau, tức công phu miên mật, dật thành một phiến, tức là lúc công phu đặc lực.

Nếu niệm đến nhất tâm bất loạn, thì lúc lâm chung, cảnh giới Tịnh Độ hiện ra trước mắt; tự nhiên không bị sanh tử trôi giũ, bèn cảm Phật A Di Đà phóng quang tiếp dẫn. Đây là việc chứng nghiệm quyết định vãng sanh.

Nhất tâm chuyên niệm đó là chánh hạnh, rồi phải dùng tư lương quán tưởng để xem xét rõ. Xưa kia, Phật vì hoàng hậu Vi Đề Hy mà thuyết ra mười sáu cách quán vi diệu, nên giải quyết xong một đời. Hiện nay Quán Kinh vẫn còn tồn tại. Nếu kết duyên với các tịnh lữ mà đồng tham học, dầu ai có chí nguyện gì, nơi mười sáu cách quán, tùy duyên chọn một; hoặc chỉ quán Phật cùng diệu tướng của Bồ Tát; hoặc tùy ý mà quán tưởng cảnh giới cõi Tịnh Độ, giống như kinh Di Đà thuyết về liên hoa bảo địa. Nếu quán tưởng rõ ràng, tức trong hai mươi sáu thời, hiện tiền như sống tại cõi Tịnh Độ. Đi đứng nằm ngồi, nhắm mắt mở mắt, như tại trước mặt. Nếu quán tưởng thành tựu như thế, thì lúc lâm chung, nhất niệm bèn vãng sanh. Thế nên bảo rằng sanh tức quyết định sanh, mà đi thật chẳng phải đi. Đây là ý chỉ vi diệu về lý duy tâm Tịnh Độ.

Dụng công như thế, cùng tinh nghiêm hành trì giới hạnh, tức sáu căn thanh tịnh, mãi đoạn trừ ác nghiệp phiền não, khiến tâm địa thanh tịnh. Quán niệm tương tục, thì diệu hạnh dễ dàng thành tựu. Hạt nhân chân chánh vãng sanh qua cõi Tịnh Độ không ngoài cách này.

Nếu miêng thuyết niệm Phật, cầu vãng sanh Tịnh Độ, mà không trì tịnh giới, phiền não không thể đoạn trừ, tâm địa vẫn còn cấu uế, thì Phật bảo người này, mãi chẳng thành tựu. Vì vậy hành nhân, việc thiết yếu bậc nhất là phải trì giới làm căn bản; phát nguyện làm nhân duyên phụ trợ; niệm Phật và quán tưởng làm chánh hạnh. Tu hành như thế, nếu không được vãng sanh, thì Phật sẽ đọa vọng ngữ.

Khai thị cho thị giả Đẳng Ngu. (7/21) 3-7

Tự tâm niệm Phật, niệm Phật niệm tâm; tâm Phật không hai; niệm niệm nếu không trụ, năng niệm không thể lập. Sở niệm tánh không; tánh không vốn tịch tĩnh. Năng và sở đều mất, gọi là tức tâm thành tự tánh Phật. Một niệm quên mất, bèn đọa vào nghiệp ma.

Khai thị cho thiền nhân Huệ Cảnh. (9/32) 3-8

Đức Phật thuyết pháp dùng nhất tâm làm tông chỉ. Vô luận trăm ngàn pháp môn, chẳng ngoài hạnh liễu ngộ nhất tâm. Quan trọng nhất chỉ là tham thiền

và niệm Phật. Nơi đây, chư tổ sáng lập pháp tham thiền liễu ngộ chân tâm. Pháp môn niệm Phật, do Phật khai thị chung cho chư Bồ Tát tam hiền thập địa, dùng niệm Phật làm hạnh thiết yếu thành Phật. Bồ Tát thập địa đã chứng chơn như, chẳng chưa ngộ sao ? Các ngài đều dạy rằng không rời niệm Phật, niệm pháp, niệm tạng.

Thiền Tài đồng tử tham vấn năm mươi ba vị thiền tri thức. Vị thứ nhất là tỳ kheo Đức Vân. Ngài dạy Thiền Tài đồng tử môn niệm Phật giải thoát. Đến gần cuối, tham kiến Phổ Hiền bèn làm diệu giác thiền tri thức, rồi hồi hương qua cõi Tây Phương Tịnh Độ; bảo rằng tự thân trông thấy đức Như Lai vô lượng quang, hiện ra trước mắt, thọ ký cho đạo Bồ Đề. Do được thấy như thế, bèn thành nhất thừa tối thượng của kinh Hoa Nghiêm, mà xưng tu pháp giới hạnh, trước sau không rời niệm Phật.

Thập địa thánh nhân đã chứng chân như, cũng chẳng bỏ niệm Phật, mà vọng nhân đời mạt pháp lại hủy báng cho là hạnh thấp kém. Sao lại nghi rằng tham thiền cùng niệm Phật là khác nhau ? Đa văn khiếm khuyết, không biết ý Phật, vọng sanh phân biệt.

Ước theo duy tâm tịnh độ, tức tâm tịnh thì cõi nước tịnh. Lúc tham thiền chưa liễu ngộ, ngoài niệm Phật ra, chẳng có pháp nào để thanh tịnh tự tâm, vì tâm tịnh tức liễu ngộ chân tâm.

Bồ Tát đã ngộ, mà không xả bỏ sự niệm Phật. Thế nên, ngoài việc niệm Phật ra, không thể thành chánh giác. Phải biết chư tổ, không dùng niệm Phật mà liễu ngộ chân tâm. Nếu niệm Phật đến độ nhất tâm bất loạn, thì phiền não tiêu trừ, sáng soi tự tâm, tức gọi là ngộ. Niệm Phật như thế, tức là tham thiền. Tựa như chư Bồ Tát, sau khi ngộ rồi mà vẫn không bỏ việc niệm Phật. Từ xưa chư tổ đều không xả bỏ cõi Tịnh Độ như thế. Niệm Phật là tham thiền. Tham thiền cũng sanh cõi Tịnh Độ. Đây là của việc xưa nay, quyết chớ nghi ngờ. Lời này phá tận tiêu tan kiến chấp phân biệt Thiền và Tịnh. Chư Phật xuất thế cũng không thuyết khác những lời này. Nếu bỏ qua lời này mà sanh vọng nghị luận, tức là lời của ma, chứ chẳng phải Phật pháp.

Khai thị cho Nhan Trung Tiên trì chú Chuẩn Đề. (7/47) 3-9

Cư sĩ tại gia, năm món dục lạc nồng hậu, cội rễ phiền não sâu dày. Công việc hiện hành, giao thác nơi trước, như nước sôi sùng sục. Vừa an được một niệm trong sạch, bèn phát tâm tu hành, nhưng khó bề hạ thủ công phu. Có người thông minh xem kinh giáo, bắt quá chỉ học theo đuôi tri kiến tưng tu đàm luận, tuyệt không thật dụng, lại xem việc niệm Phật rất ư tầm thường,

nên chẳng thích hạ tử tâm, hay tuy muốn nhưng lại không đắc lực, mà chỉ khởi niệm tại vọng tưởng thô phù.

Tập khí trong tạng thức ân tàng lưu chuyển, hoàn toàn không thể thấy được, nên dầu có niệm Phật nhưng không thể thấy một niệm hạ lạc. Niệm Phật nếu đắc lực, sao còn cầu những việc huyền diệu khác nữa ! Nay có pháp nhất đẳng thâm cao lạ lùng nên ngưỡng mộ. Nghe tham thiền đốn ngộ, tự phụ cho là bậc thượng căn, không cần tu hành, vì sợ lạc vào tiệm thứ. Trên cơ duyên của các bậc cổ đức, ghi nhớ làm nơi hợp đầu ngữ; mở miệng đàm luận rối loạn, chỉ vui thích vẽ vờ, rồi cho đó là cơ phong thiền môn. Những kẻ này thật rất đáng thương !

Nếu chân thật phát tâm vì sợ sanh tử, mà chưa có thể nhập vào môn trì chú, thì trước tiên phải dụng mãnh tâm khẳng khái thiết thực, thì đắc mới dễ dàng. Nhân tiên sanh có phước trì chú, lại vấn hỏi cách tu hành thiết yếu, nên tôi mới khai thị những lời này. Người xem quyết chẳng hiểu đạo lý, vì đạo lý này làm làm ngộ bao người. Pháp môn này hay hơn cột cây bách phần tiều.

Khai thị cho Từ Tịnh Chi. 3-10

Phật dạy rằng pháp ở trên dưới ba cõi, duy chỉ do nhất tâm tạo tác. Trên ba cõi, tức bốn thánh vị xuất thế gian, là Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác. Dưới ba cõi, tức sáu đường phàm phu, là trời, người, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, và A Tu La. Ba đường ác cũng nằm trong mười pháp giới. Tất cả thánh phàm, nhân quả thiện ác, chánh báo y báo trang nghiêm, đều do một tâm tạo tác. Tâm này không khác với tâm liễu tri phân biệt thường ngày của chúng ta. Thế nên, tất cả đều do tâm này, mà không có gì khác tạo ra. Hiện tiền, trong cuộc sống hằng ngày, niệm niệm tạo nghiệp, nên lưu chuyển trong mười pháp giới. Nếu một niệm do tham sân si mà tạo ra mười việc ác (thân ba: giết hại, ăn cắp, tà dâm; tâm ba: tham lam, sân hận, si mê; miệng bốn: nói láo, nói lưỡi đôi chiều, nói lời ác độc, nói lời thù dật) thì đó là tạo nhân khổ trong ba đường ác. Nếu trong một niệm mà chuyển mười việc ác thành mười điều lành, thì gieo nhân diệu lạc ở cõi trời người. Nếu nơi một niệm, thiện ác đều mất, trong không thấy có Ta, ngoài không thấy có người, nhất tâm tịch tĩnh, tức gieo nhân Thanh Văn vượt xuất khổ đau. Nếu quán hiện tiền khổ lạc, thuận nghịch đều do nhân duyên sanh diệt, hay lưu chuyển sanh diệt, tức là thành nhân của Duyên Giác.

Nếu nhất niệm liễu tri nhân duyên của nhân pháp vô ngã, hiểu tánh vốn không, chẳng có kẻ làm người thọ, mà không ngại hiện hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, cùng những thiện hạnh trong sáu đường, để hóa độ chúng sanh, tức là nhân của Bồ Tát.

Nếu một niệm đốn ngộ tự tâm, gốc vốn quang minh quảng đại, bao trùm muôn vật, cứu độ muôn loài, liễu không một pháp đương tình, chúng sanh và Phật đồng bình đẳng, tức là nhân thành Phật.

Tâm này quảng đại bao la, bốn lai thanh tịnh, quang minh viên mãn. Nếu thường ngày niệm niệm ngộ tâm này thì tuy cư nơi trần lao, mà làm người xuất thế. Thế nên, Duy Ma Cật xưng đây là pháp môn không hai. Cư sĩ nếu thể hội được mà hành, thì tất cả oán ân, thị phi, nhân ngã, phiền não, căn tình, đều ứng theo niệm mà hóa thành tạng quang minh. Nơi mọi cảnh giới trong thường ngày, hãy dùng niệm niệm giác sát, xem xét. Nếu vừa thấy mình không thể an nhẫn vì bị phiền não làm chướng ngại, phải đề khởi câu kệ 'xưa nay vốn không một vật' của Lục Tổ, như dùng bảo kiếm kim cương chặt đứt mọi phiền não, thì thân tâm hóa thành hồ nước trong thanh. Dùng lực hành như thế, và năng tinh tấn bất thối, tức đốn ngộ chứng đắc nơi tràng đại giải thoát. Sao còn chạy bên ngoài mà cầu Phật pháp !

Một trong những nguyện lực của Phật Di Đà là: " Chúng sanh trong mười phương thế giới, nếu năng niệm danh hiệu Ta, mà không sanh về cõi nước Ta, thì Ta thế không thành Phật."

Dựa vào nguyện lực này, nếu người thường niệm Phật, thì Phật Di Đà quyết sẽ đến tiếp dẫn, sanh qua cõi tịnh độ kia, thật rất dễ dàng.

Cõi Tịnh Độ đó, khai mở có chín phẩm. Nếu tham thiền ngộ tâm, mà chưa quên tâm cảnh, tức sanh thượng thượng phẩm. Nếu niệm Phật nhất tâm bất loạn, tức sanh thượng trung phẩm. Nếu tham thiền mà chưa đốn ngộ, nhưng chuyên trì danh tinh thuần, và trang nghiêm vạn hạnh, tức sanh thượng hạ phẩm. Nếu tu vạn hạnh, và tụng niệm kinh điển đại thừa, lại chuyên trì danh hiệu Phật, chí nguyện vãng sanh, tức sanh trong ba phẩm bậc trung. Tinh tấn trì năm giới và mười điều lành, lại chuyên tâm niệm Phật, phát nguyện hồi hướng, không luận tăng tục, thì phần nhiều vãng sanh trong ba phẩm bậc hạ.

Tuy chưa đoạn phiền não, nhưng vẫn được vãng sanh qua cõi nước kia, thấy Phật nghe pháp, cư nơi địa bất thối, mãi chẳng đọa lạc vào ba cõi sanh tử, rồi từ đó phát nguyện, trở lại ba cõi độ sanh, đến đi tự tại, không bị sanh tử khổ

não ràng buộc. Vì vậy, thiền sư Vĩnh Minh bảo: " Nếu được thấy Di Đà, hà sàu chẳng khai ngộ !"

Pháp môn này, nếu suốt đời tinh tấn khẩn thành tu trì thì chắc sẽ được sanh qua cõi đó, đôn thoát sanh tử, mãi mãi xuất ra khỏi luân hồi. Pháp môn trực tiếp như thế, sao lại lo sàu mà không chịu tu, lại còn khinh bạc ! Tham thiền liễu sanh tử rất khó. Niệm Phật cắt đứt sanh tử dễ dàng, chỉ cần phải nhất niệm chân thật khẳng khái thiết tha. Từ xưa, người được vãng sanh qua cõi Tịnh Độ thật vô lượng vô biên. Thế nhân mắt thấy mà không tin, vậy tin vào pháp nào !

Nay phụng khuyến các bậc cao minh trí sĩ, nên tin tự tâm, không thể lầm tín tà thuyết. Nơi đây, có rất nhiều vị kiêm lẫn hai pháp thiền tịnh. Như lời thiền sư Vĩnh Minh bảo: " Tham thiền cùng niệm Phật, niệm Phật và tham thiền, có thiền có Tịnh Độ, như hổ thêm sừng. Hiện đời làm thầy người. Tương lai thành Phật Tổ."

Đây vốn là hạnh tối thượng.

Tất cả chúng sanh tự mê mờ Phật tánh sẵn có, nên đọa lạc vào ba cõi sáu đường luân hồi sanh tử khổ nạn, bao kiếp lâu dài trầm luân, không thể vượt ra khỏi. Lại nữa, đều do tham sân si ái, mà họ chấp chứa bao nghiệp ác sát đạo dâm vọng. Xả thân thọ thân, đều dùng dâm dục làm chánh tánh mạng. Sanh sanh thế thế, cha mẹ vợ con, lục thân quyến thuộc, ân ái kiên cố triền miên. Lửa lớn đốt cháy phùng phụt trong ba cõi, không một ai được miễn !

[Khai thị cho Ngô Khải Cao. \(10/12\) 3-11](#)

Ngô Khải Cao quy y Tam Bảo và trì trai giới đã bao năm, nay lại đến Khuông Sơn, cầu thọ giới pháp, làm đệ tử trong pháp môn, để kết duyên xuất thế trong vị lai. Nhân vì đó mà có pháp danh Phước Thường, hiệu cư sĩ Tịnh Tâm, thọ giới ưu bà tắc, rồi lại dâng hoa, đến thỉnh vấn. Lão nhân vì vậy khai thị rằng tất cả nghiệp hạnh ở thế gian, đều là vô thường, và rốt ráo đều là nhân khổ. Cầm sanh đến cõi Ta Bà, chúng sanh hội tụ, nên gọi là kham nhẫn. Kẻ ngu mê, lấy khổ làm vui, chuyên thêm tham ái, lại tăng gốc khổ, mà không biết sự thiết yếu của việc xuất ra biển khổ, thực là điên đảo.

Thế nhân nếu có một niệm, biết là vô thường, khổ, không, mà phát tâm cầu xuất ly, tức là người đại trí huệ. Lại nữa, nếu có một niệm phản tỉnh, phát khởi tâm chán khổ, tức là bước trên con lộ xuất ra khỏi khổ đau. Ngoài ra, nếu có một niệm nguyện cầu sanh Tịnh Độ, tức là căn bản thành Phật.

Phật thuyết giới pháp, dạy người ngưng ác tu thiện. Ác ngưng tức tâm tịnh. Tu thiện tức khổ diệt hết. Khổ diệt hết tức tăng phước. Tâm tịnh tức làm nhân cho cõi tịnh. Khổ diệt hết tức làm gốc cho cực lạc. Tăng phước tức làm quả cho thường lạc. Thế nên, biết rõ một niệm phát khởi tâm thọ giới, tức chúng khổ có thể đoạn trừ, chúng phước lành có thể hội tụ, sanh tử có thể xuất khỏi, Tịnh Độ có thể vãng sanh. Tất cả đều do từ một niệm tội sơ, phát tâm làm nhân địa.

Cư sĩ hôm nay đã biết rõ việc này mà phát tâm đó, nên mọi việc làm đều là hạnh xuất thế. Tuy chưa xuất gia, mà đã có danh Phật tử. Từ nay nếu dùng tâm trì giới và niệm Phật, tịnh trừ tập nhiễm xưa trong tâm, tức tham sân si ái, bao loại phiền não, thì tâm địa sẽ được thanh tịnh. Dùng tâm tịnh niệm Phật, niệm niệm không quên, tâm tâm chẳng đoạn, tức ngay nơi công việc thường ngày, sự sự đều là nhân Tịnh Độ. Bồ thí bao loại đồ vật, và tứ sự cúng dường Tam Bảo, để làm tư lương trang nghiêm Tịnh Độ. Vì vậy bảo rằng tâm tịnh tức cõi Phật tịnh. Duy tâm tịnh độ, tự tánh Di Đà nguyên vốn không rời một niệm. Đây là pháp hạnh chân thật, nên mới có pháp danh chân chánh là Phước Thường. Do tịnh tâm bên trong, nên mới có hiệu là Tịnh Tâm. Quả như cư sĩ tin chắc không nghi, sao còn cầu Phật pháp nào chi nữa ! Nếu không hằng làm những việc tầm thường ở thế gian, thì trước mắt đạo tâm tự kiên cố, tín tâm ngày càng tăng trưởng. Trân trọng. Trân Trọng.

[Bài tựa về Tịnh Độ Chỉ Quy. \(19/20\) 3-12](#)

Chỉ quy Tịnh Độ, chỉ tức ý chỉ tu hành, quy tức quy về cõi Tịnh Độ. Đức Thế Tôn nhiếp hóa quần sanh, thuyết ra bao loại pháp môn, phương tiện chẳng có một, mà pháp yếu thủy chung, vốn có hai tông tánh và tướng. Vì căn cơ có đại tiểu, nên giáo có thi thiết đốn tiệm. Người sau phân hai môn thiên giáo. Giáo tức nhiếp dẫn ba căn. Thiên tức đốn ngộ nhất tâm. Kinh tạng Đại Thừa, có một ngàn bảy trăm công án, thì hướng về cái nào !

Pháp môn tịnh Độ, bao trùm ba căn, đốn tiệm cứu người; không có căn cơ nào mà chẳng nhiếp thọ. Vì vậy bảo rằng siêu vượt ra ba cõi, đây là pháp môn tối thắng nhất. Từ trên chư tổ, các bậc đại sĩ liễu ngộ chân tâm, chưa từng có ai không quy túc vào đó. Bồ Tát Long Thọ, Mã Minh, cực lực xưng dương. Có người bảo rằng pháp môn này chỉ vì những người căn cơ trung hạ, tức là họ không biết yếu chỉ Tịnh Độ.

Tất cả chúng sanh trong mười phương thế giới, chánh báo y báo, tuy có khác biệt về thắng liệt, tịnh uế, mà đều do từ một tâm cảm biến ra. Vì vậy, bảo

rằng tâm tịnh tức cõi nước tịnh, nên gọi duy tâm tịnh độ, tức là cõi tịnh độ này không ngoài tâm. Tịnh do nhất tâm. Các đại sĩ đã liễu ngộ chân tâm, sao không thể an nơi Tịnh Độ ư !

Thiền gia thượng thượng căn, chưa từng có ai không quy về tịnh độ. Các bậc trung căn hạ căn, tu trì tịnh giới, chuyên tâm chú niệm, quán niệm tương tục, lâm chung tức đắc vãng sanh. Tuy có tướng đến đi, mà tướng hảo Di Đà, đài hoa rừng báu, thật do tự tâm cảm hiện ra. Ví như những việc trong mộng, chẳng từ ngoài vào. Những kẻ ngu phu ngu phụ, thường tu thập thiện, tinh trì năm giới, chuyên tâm niệm Phật, lúc sắp lâm chung, tất được vãng sanh. Đây là nhờ Phật lực gia trì, và hành nhân niệm tưởng được tăng ích thù thắng. Những niệm tưởng thù thắng kia do đại nguyện mà có. Nguyện cùng niệm giao tiếp, và tự tâm cùng Phật thâm mặc tương ưng. Tuy cảnh tịnh độ chưa hiện, mà công phu vãng sanh đã thành, thật do lực của tự tâm thâm cảm nên, tức chẳng từ ngoài vào.

Những kẻ thường gieo thập ác, thì lâm chung bị nghiệp kéo, và bao việc khổ trong địa ngục hiện ra trước mắt. Vì khổ bức bách cực lực, nên mới có tâm thiết tha muốn thoát khổ, cộng với tâm cùng cực khổ não mà thành niệm lực. Khởi tâm sám hối cùng cực. Tâm sám hối đã cùng cực, tức ngay nơi tối cực toàn thể chuyển biến, nhất niệm cùng Phật tương ưng. Nhờ Phật lực gia trì, ứng niệm hiện tiền, hóa núi đao thành rừng châu báu, chuyển vạc lửa thành ao sen, nên những kẻ ác này cũng được vãng sanh. Cảnh Tịnh Độ đây, do toàn thể công lực của tự tâm chuyển biến, thật chẳng do từ ngoài mà được. Vì vậy quán thấy, vạn pháp trong ba cõi, chẳng có pháp nào mà không xuất sanh từ tâm. Cảnh tịnh ược, chẳng có cảnh nào là không do tâm hiện. Thế nên, pháp môn Tịnh Độ, không luận là người đã ngộ hay chưa ngộ, bậc thượng trí hay kẻ hạ ngu, nếu tu thì tất định sẽ đắc; tất cả đều do tự tâm, tức là ý chỉ duy tâm tịnh độ, trắng đen rõ ràng. Phật thể như hư không. Tự tâm lặng lẽ thanh tịnh, cùng Phật hợp nhất thâm sâu. Tuy giả khởi nhất niệm nguyện lực trang nghiêm, mà cảnh giới tịnh độ liền hiện, không cần vay mượn công huân. Đó là thượng thượng, chẳng phải là việc mà kẻ thiên trí bạc tín đạt đến được. Các vị trung căn hạ căn, y theo quán niệm tương tục, không để duyên ái tập nghiệp làm khuynh đảo. Căn tuy khiêm khuyết, mà chí thật thượng thượng. Việc tu khó, chỉ vì khó đoạn ái căn. Những kẻ ác được vãng sanh lại càng khó hơn. Tuy bảo rằng đời nghiệp vãng sanh, nhưng thật ra do tập khí của thiện căn trong bao đời đã huân tập mà phát khởi. Tuy căn tánh xấu xa hạ liệt, nhưng nếu phát khởi một tâm niệm dũng mãnh, thì siêu nơi thượng thượng. Vừa bỏ dao đồ tể, bèn làm Phật sự, còn gì thù thắng bằng !

Song, chúng sanh mỗi mỗi không giống nhau. Thế nhân nếu mong đợi cầu vãng sanh thì là sai lầm. Căn tánh không lớn nhỏ; rốt ráo tất do một niệm hướng thượng mà thành tựu. Vì vậy pháp môn này, há chẳng phải đặc biệt quyền thiết cho trung hạ căn thôi sao !

Nhị sư tướng quân vì mến Bách Từ Công, mới gia phát văn võ, thuyết lễ nhạc mà đôn đốc viết thi kệ, đàm luận quân binh lúc nhàn rỗi, lưu tâm nơi pháp môn Tịnh Độ, nên được gọi là dùng đức từ để dụng binh.

Soạn tập thư Quy Chỉ, tông thú nơi kinh mười sáu phép quán, cho đến phát minh những chỗ khó hỏi, để hiển lộ bốn nguyên pháp môn tịnh độ. Kế đến dẫn các thuyết từ Liên Tông cùng Long Thư, để biểu thị tín nguyện chánh hạnh. Thứ đến, liệt kê tiểu sử từ ngài Huệ Viễn, xuống đến hai mươi sáu vị khác, để dùng làm thật chứng. Sau, khai thị khuyến niệm, cho đến phát huy nghĩa niệm Phật, nhân quả tất dự, tiến bước tu yếu môn, tận tụy chân thành nơi pháp môn này. Tôi gọi là tập chỉ nam của Tịnh Độ. Lý sự song tu, nhân quả đều hiển. Người xem lấy đây làm chỉ quy, tức là cảnh giới diệu lạc, sáng soi trước tâm mắt. Cần gì phải cầu ngoài muôn quốc độ, mà thọ hưởng diệu lạc. Hiện hiện ngay trong công việc hằng ngày, không đợi báo tạ thần siêu, mà sau mới thật chứng. Lợi ích của bài này là làm chiếc thuyền từ bi trên biển khổ, và làm ánh đuốc huệ trong đêm dài tăm tối. Chớ coi là việc nhỏ.

Quy chế niệm Phật trong mười hai thời tại chùa Hồ Tâm. (46/60) 3-13

Phật dạy rằng sanh tử của chúng sanh, ngày đêm dài lâu tương tích, bao số kiếp luân chuyển, không ngừng không nghỉ, do niệm niệm vọng tưởng phan duyên, chưa từng có một niệm ngừng nghỉ. Vọng tưởng không đoạn, nên sanh tử không cùng tận, bao kiếp lâu dài bị lôi kéo luân chuyển không dừng, vì do từ đó. Phật thuyết bao phương pháp chế ngự tâm, đều là muốn dừng bánh xe luân hồi. Pháp môn tuy nhiều, nhưng vì chúng sanh trần cấu nặng nề, tâm thức mê muội khó nhiếp nhập, nên chỉ có pháp môn niệm Phật là thẳng tắt và cần yếu nhất. Thế nên bảo rằng nhớ Phật niệm Phật, hiện tiền và tương lai, tất định thấy Phật. Tất cả vọng kiến của chúng sanh đều chúc nơi sanh tử. Đơn độc chỉ có chánh kiến thấy được Phật là pháp xuất khỏi sanh tử. Thấy được Phật tất phải từ ức niệm mà sanh. Lúc vọng niệm ngày đêm không gián đoạn, phải dùng niệm Phật để đoạn trừ chúng. Đây là cách thức mà liên xã của ngài Huệ Viễn thường hành trong sáu thời khắc tại Lô Sơn. Đương thời, trong liên xã có một trăm hai mươi người, mà chỉ có mười tám vị được xưng là cao hiền, tức là những vị chân thật niệm Phật; những vị còn

lại đa số chưa đắc được. Hiện nay, xem thấy người niệm Phật thường thuộc hàng mặt phảm. Sao không chân thật nhận biết !

Đời cận đại, tuy lấy Nguru Sơn làm hạnh niệm Phật, mà lấy việc luyện ma làm danh, tức khổ vì nơi kèm chế quá cứng chắc. Tuy ngày đêm niệm Phật không gián đoạn, mà ngừng nơi ba mùa đông. Người chẳng theo giới luật, nên cũng khó khăn có tâm trường cửu. Trong khoảnh khắc chú tâm lực niệm Phật trên đài vân lâu; tuy ngày đêm có bốn thời, mà tối đến lại hôn mê. Há phí những lời cảnh tỉnh, vì hành pháp khiếm khuyết nơi vi mật sao !

Nay pháp sư Phật Thạch Huyền Tân, phát tâm trong mười hai thời thường thừa thỉnh. Pháp này phải miên mật tu trì. Khi ăn uống động tịnh lại khó quy nhất. Nếu điều phục chừng mực, thì thiết pháp được. Đối với quy củ cổ kim, muốn thỉnh vấn lão nhân. Lão nhân vì thế mà thiết lập quy chế, giá sự không phức tạp, để nhân tâm nhất chí, hành diệp hạnh vi mật. Những quy chế điều diệp này chỉ là phụ trợ. Phạm kiến lập pháp hội niệm Phật, tùy người tùy nguyện, rộng hẹp bất nhất. Nếu lực lớn thì lập ra nhiều pháp đường. Lực nhỏ thì chỉ cần có một. Con người cũng như thế. Song, không luận là người nhiều ít, phải phân thành sáu ban, ngày đêm mỗi ban hành hai thời, luân chuyển dâng hương; ra ban thì lễ bái tụng kinh, hành đạo sám hối; thời gian còn lại đều tĩnh tọa; tùy âm thanh mà mặc niệm, hoặc tập môn quán tưởng; người nguyện thích thì tùy theo đó mà hành. Nơi đây phải tĩnh lặng nhiều mà động ít; không khăn trương không loạn động, mà tiếng niệm Phật không gián đoạn, thì vọng tưởng không thể sanh khởi, như vừa kêu vừa gọi; không mê không tán loạn, nhập vào thì động tịnh nhất như, mình người không hai, thức ngủ hằng thường. Được như thế, thì không cần rời khỏi tòa ngồi, liền thấy Phật A Di Đà. Đây chính là diệp hạnh như ý bậc nhất. Lúc ăn uống cũng phải như pháp mà điều phục. Lúc làm việc, trong ngoài đều nhất như, tức nhân và ngã đều mất, thị phi đều lặng. Đạo tràng điềm an tịch mặc, cũng chưa vi diệp bằng như thế.

Lão nhân suy nghĩ sâu xa về pháp này, tự thẹn gót chân chưa vững, tức vẫn chưa toại ý, nên đặc biệt nói ra những lời này. Đa phần chỉ rong đuôi chạy. Ngày nào thấy nghe được chúng, thì nơi nơi đều kiến lập, đem tông Tịnh Độ phổ biến khắp nơi. Đây là niệm hy vọng.

Thơ đáp Đức Vương. (10/24) 3-14

Thừa Đại Vương luận sử, gửi thơ đến hỏi sơn tăng pháp môn tu hành thẳng tắt.

Xin đáp: Ngài đã năng trì giới không giết hại, và đã trì trai trong ba năm, mà niệm Phật sao vẫn còn tánh nóng nảy, nên hỏi rằng còn có pháp nào để tu trì, hầu mong tới lúc lâm chung được an lạc, đời sau không mê mờ. Đây là Đại Vương kiếp xưa đã tích tập căn lành Bát Nhã thâm sâu, nên đời nay mới tiếp tục tu hành, lại được địa vị tôn quý nơi xứ này, chẳng mê muội một niệm xưa, chân thật tha thiết tham cầu yếu chỉ Phật pháp. Sơn tăng tuy ngu dốt hạ liệt, nhưng lại dám dùng những lời chân thật để đối đáp. Đức Phật thuyết pháp độ sanh, như cho thuốc tùy theo bệnh trạng, tức phương tiện lập nhiều môn, không phải có một. Giáo pháp lưu truyền qua xứ này, cổ kim đều y theo mà phụng hành. Tu hành có hai môn, thiên và giáo, mà người người đồng theo. Thiên tức truyền đăng của chư Tổ, quý ngay nơi liễu ngộ tự tâm. Cách hạ thủ công phu, tức chỉ đơn độc đề khởi tham cứu câu thoại đầu, cho đến lúc thấy rõ tự tâm mới thôi. Pháp môn này chỉ đơn độc dành do bậc thượng thượng căn, vừa siêu liền nhập thẳng vào, mà lại phải theo bậc thiện tri thức, thời thời luôn thủ hộ điều phục đề tỉnh, mới đắc được chánh lộ. Xưa kia, nhiều vị vua quan cũng có khả năng này. Nói chung, ngay cả người xuất gia, cũng không thấy có nhiều người hành dễ dàng. Nay Đại Vương tôn thủ nơi thâm mật, không đi tiếp kiên thiện tri thức, nên sơn tăng không dám dùng những lời này mà khuyến tấn, chỉ mong Ngài y giáo phụng hành.

Tích xưa, đại sư Trí Giả ở núi Thiên Thai có viết ra bộ 'Đại Tiểu Chỉ Quán' và 'Thành Phật Yếu Môn'. Bộ 'Đại Chỉ Quán' văn nghĩa thâm sâu, rất khó thể hội. Bộ 'Tiểu Chỉ Quán' tuy giản dị, nhưng thật ra muốn thuyết giải rõ ràng về cách hạ thủ an tâm, lại cũng khó nhập vào, tức năng biết năng hành mà cũng khó được thân thiết. Trong cuộc sống hằng ngày, những cảnh giới thuận nghịch, đều không thể dụng khởi được, hà huống đại sự lâm chung. Pháp này cũng chẳng dễ dàng cho Đại Vương hành, nên cũng không dám khuyến tấn. Nay đơn độc chỉ có một môn là Phật thuyết cõi Tây Phương Tịnh Độ, chuyên dùng niệm Phật làm sự thiết yếu, dùng quán tưởng cảnh tịnh làm chánh hạnh, dùng sự tụng đọc kinh điển Đại Thừa làm môi giới dẫn phát, dùng phát nguyện làm chỗ hướng đến, dùng bố thí để trang nghiêm ruộng phước. Đây là pháp môn mà cổ kim đồng tu trì. Bất luận sang hèn, thông minh ngu độn, đều có thể dụng công chân thật. Thế nên, muôn người tu hành, muôn người đồng có hiệu nghiệm. Xin nguyện Đại Vương lưu ý, thường ngày cần thận dùng pháp môn này tu hành theo những quy tắc điều lệ như sau:

Đức Phật vì cứu độ thế giới giới Ta Bà, các chúng sanh khổ não, mà thuyết pháp môn Tịnh Độ, tức cõi Tây Phương Cực Lạc. Song, phải chuyên dùng tâm niệm Phật, phát nguyện vãng sanh. Cõi nước kia có một quyển kinh A

Di Đà, dùng làm chứng minh. Trong kinh đó miêu tả cõi nước kia, cùng cảnh giới nơi đó thật sự rất tường tận. Phương thức tu hành, cũng có tinh tiết thứ lớp, như pháp tăng gia công quả, bất tất câu nệ.

Lại nữa, phải dùng niệm Phật làm chủ. Mỗi sáng sớm thức dậy lễ Phật, rồi tụng một quyển kinh A Di Đà, hoặc kinh Kim Cang, và lần chuỗi niệm danh hiệu Phật A Di Đà, hoặc ba bốn ngàn lần, hoặc một trăm ngàn lần, xong bèn đối trước tượng Phật mà hồi hướng công đức, phát nguyện vãng sanh qua cõi nước kia; lời này tại trong kinh Công Quả. Đây là công quả vào buổi sáng, còn lúc buổi chiều cũng nên hành như thế. Ngày ngày cứ định đặt công phu tu hành như vậy, mà không thiếu sót. Pháp này đã từng dạy chư cung nhân quyển thuộc trong hoàng cung. Nếu theo như pháp mà đồng tu thì lại càng thêm vi diệu. Đây là pháp mà thánh mẫu của thánh tông Nhân Hiếu thường hành. Pháp này cho đến ngày nay trong hoàng cung cũng không bỏ phế, mà lại thường hành.

Nếu vì đại sự lâm chung, thì phải dụng công phu này, và phải thường thân thiết. Mỗi ngày, trừ hai thời công quả, trong hai mươi sáu thời đều đơn độc khởi một âm thanh Phật A Di Đà trong ngực, niệm niệm không quên, tâm tâm chẳng u muội. Tất cả thế sự đều không suy nghĩ, mà chỉ dùng một câu A Di Đà Phật này, làm mạng căn của mình, quyết trì giữ mãi, không thể xả bỏ. Cho đến lúc ăn uống ngủ nghỉ, đi đứng nằm ngồi, một âm thanh A Di Đà Phật thời thời luôn hiện tiền. Nếu gặp cảnh giới phiền não, thuận nghịch vui buồn, và lúc tâm bất an, thì phải đề khởi cho xiết một âm thanh niệm Phật, thì sẽ thấy phiền não liền bị tiêu diệt. Niệm niệm phiền não vốn là gốc khổ sanh tử. Nay dùng niệm Phật để tiêu diệt phiền não, tức là nơi Phật cứu độ khổ não sanh tử. Nếu niệm Phật mà tiêu được phiền não, thì có thể cắt đứt sanh tử, chứ chẳng còn pháp nào khác. Niệm Phật cho đến lúc làm chủ được phiền não, thì ngay trong mộng cũng tự làm chủ được. Nếu trong mộng tự làm chủ được, thì ngay trong bệnh khổ cũng tự chủ được. Nếu trong bệnh khổ mà tự chủ được, thì lúc lâm chung phân minh rõ ràng, bèn biết nơi sắp đến. Việc này hành không khó, chỉ thiết yếu là tâm phải tha thiết vì sự sanh tử. Đơn đơn nương tựa một câu niệm Phật, lại không hướng ra ngoài nghĩ ngợi những chuyện khác. Lâu ngày thuần thực, tự nhiên đắc đại tự tại an lạc, và đắc đại hoan hỷ thọ dụng, mà dục lạc thế gian không thể nào sánh bằng.

Xin Đại Vương hãy lưu ý pháp này, cùng chân thật tu hành. Bỏ qua pháp môn này, thì không còn pháp môn thắng tất tinh sự như thế. Lại nữa, quyết không thể nghe bọn tà kiến tà thuyết mà bị mê hoặc. Ngoài ra, nếu Đại Vương muốn biết nơi đi của mình vào lúc lâm chung, lại còn có một diệu

pháp xin hãy nhớ cho. Pháp này có thể dùng trong lúc niệm Phật, tức thời thường tĩnh mặc quán tưởng trước mặt sanh một hoa sen lớn, không màng xanh đỏ trắng vàng, trạng như bánh xe lớn. Quán tưởng hình dạng hoa sen phân minh rõ ràng, rồi lại tưởng nghĩ thân mình ngồi trong hoa sen và trên đài sen, an nhiên bất động. Quán tưởng Phật phóng ánh sáng chiếu đến thân mình. Lúc quán tưởng, không câu nệ đi đứng nằm ngồi, lại cũng không màng năm tháng ngày giờ, chỉ cần yếu cảnh quán phải phân minh tường tận; mở mắt nhắm nhắm phải rõ ràng không mê, cho đến trong mộng, cũng thấy Phật A Di Đà, cùng Quán Âm, Thế Chí đến, đồng ngồi trong hoa sen, như thấy rõ vào ban ngày. Nếu quán tưởng thành tựu, thì đó là thời tiết cắt đứt sanh tử. Đến lúc lâm chung, hoa sen đó hiện ra trước mắt, tự thấy thân mình, ngồi trên hoa đó, tức có Phật A Di Đà, Quán Âm Thế Chí đồng đến tiếp dẫn. Trong khoảng một niệm, tức được vãng sanh qua thế giới Tây Phương Cực Lạc, cư nơi địa bất thối, mãi chẳng trở lại thọ khổ sanh tử nữa. Một đời chơn thật tu hành thì quyết sẽ có thật hiệu nghiệm. Pháp môn đây không phải chỉ nói suông, mà trong kinh điển, nơi nơi Phật đều khai thị tường tận pháp môn thẳng tắt này. Thế nên, bảo rằng tuy có đường lộ tu hành, mà nếu bỏ niệm Phật A Di Đà, thì không còn diệu pháp nào khác.

Nghe tâm Đại Vương, không cầu trường sanh, chỉ nguyện phút cuối được sáng suốt. Trừ pháp này ra, không còn pháp minh bạch nào khác. Nếu sợ bệnh hoạn mà học cách điều hơi vận khí, thì chẳng phải là pháp hay. Nếu không thể vận được khí, mà phản lại còn sanh trọng bệnh, thậm chí không thể cứu chữa. Vạn vạn không thể mê hoặc vì pháp thức này. Nếu là pháp niệm Phật thì phải thi thiết bước vào, còn những pháp khác chẳng màng lưu tâm. Xin Đại Vương hãy chân thật lắng nghe những lời đó, chớ có hoài nghi.

Lại nữa, vào ngày hai mươi bảy tháng giêng, tể tướng Uẩn Chân phụng lệnh chỉ của Đại Vương, đem thơ đến vấn hỏi. Sơn tể tướng đọc qua ba lần, nhận thấy Đại Vương muốn nghiên cứu thể hội đại sự sanh tử, và muốn hiểu rõ căn tông tánh mạng, liễu đạt chỉ thú thiên giáo của Phật Tổ. Sơn tể tướng ngu muội, không dám vọng đàm, chỉ kính cẩn dùng giáo điển để phân trần đối đáp rõ ràng những điều hỏi đó như sau. Xin hãy xét rõ.

Hỏi: Đạo của ba thừa, nguồn gốc của tánh mạng, thuyết của thiên giáo, đạo của Đạt Ma, sao thường bảo:" Không có ngôn từ", thì tâm địa nơi đâu mà dụng công ? Nhân sanh đến đâu, gì là hạ lạc ?

Lại bảo:" Màng chi đến việc có Phật hay không có Phật."

Lại bảo:" Trong một tỉnh niệm, không nhân không ngã, ví như hư không", ý chỉ như thế nào ? Xin hãy dùng ngôn từ thượng trung hạ căn, niệm độ sanh của Phật tổ, mà giải thích tường tận.

Đáp: Tông chỉ Phật giáo, chỉ lấy nhất tâm làm tông. Nguyên vì tâm này, bốn góc vốn tròn đầy, sáng soi bao la, liễu không một đượm trần, thanh tịnh vô vật. Trong đó vốn không có mê ngộ, sanh tử; chẳng lập thánh phàm, chúng sanh cùng Phật đồng một thể, không hai không khác. Đây chính là việc mà ngài Đạt Ma từ Tây Vực sang, chỉ thẳng chơn tâm sẵn có, dùng làm thiền tông, nên đối đáp với vua Lương Võ Đế:

"Lãng nhiên vô thánh."

Nếu đốn ngộ tâm này, tức mãi tuyệt đường sanh tử. Dẫn cho người nào, chỉ trong một niệm mà đốn ngộ, thì được gọi là như như Phật, không cần phải tu chứng theo giai đoạn tiệm thứ của ba thừa giáo. Đây là mục đích con đường hướng thượng của thiền tông. Từ xưa chư tổ đã truyền, tức chỉ tâm này, dùng làm tông chỉ, đó gọi là thiền. Tông này không lập văn tự, chỉ quý minh tâm kiến tánh. Bàn về cách dụng công tiến tu, buổi ban đầu tổ Đạt Ma hỏi nhị tổ Huệ Khả:" Ông thường làm gì ?"

Nhị tổ Huệ Khả thưa:" Khất cầu Thầy dạy con phương pháp an tâm."

Tổ Đạt Ma bảo:" Đem tâm ra đây để Ta an cho."

Nhị Tổ thưa:" Con tìm tâm mãi chẳng được."

Tổ Đạt Ma bèn ấn chứng:" Ta đã an tâm cho ngươi rồi."

Tâm này không thể đắc nơi một ngôn từ nào, tức là ý chỉ của Tây Lai. Nhị Tổ lại hỏi:" Còn phương tiện nào chăng ?"

Tổ Đạt Ma bảo:" Ngoài dứt các duyên, trong không ưu lự, tâm như tường vách, mới có thể nhập đạo."

Đây chính là lời dạy tham thiền đầu tiên nhất. Đạo của tổ Đạt Ma, chỉ như thế thôi. Trừ tâm này ra, lại không còn pháp nào khác. Người sau tuy vào thiền đạo đã lâu, nhưng vẫn chưa đốn ngộ, nên mới có thuyết tham thiền quán thoại đầu. Thoại đầu này không hạn cuộc là ai, chỉ dùng công án của cổ nhân, tích tại nơi ngực mà hạ nghi tình, tức không dùng một chữ; đó là công án, thẳng đến chỗ phát xuất nghi tình, tức là tham cứu. Tham cứu tới lui, lâu

ngày tâm địa bỗng nhiên khai mở, như giác tỉnh từ cơn đại mộng, tức gọi là ngộ. Dùng tham cứu tức là dụng công. Lúc tham cứu chân chánh, trong tâm một niệm chẳng sanh, liễu không một vật, nên gọi là vô ngã vô nhân, giống như hư không. Nơi ngộ tức là hạ lạc, nghĩa là đã đắc liễu ngộ tự tâm, thì tình căn tình sanh tử trong bao kiếp, nhất tề đốn đoạn. Đã ngộ được tâm này rồi, thì còn thuyết gì là Phật và chúng sanh ! Thế nên, từ đó đã bước ra ba cõi, rồi tùy ý qua lại mà độ chúng sanh, mãi tuyệt các khổ não, không bị sanh tử trôi giữ, đó gọi là Bồ Tát. Đây là tham thiền đến nơi hạ lạc (chỗ tận cùng); tánh mạng từ đó đoạn dứt. Nếu chưa ngộ tâm này, tức suốt đời luôn bị nghiệp thiện ác dẫn dắt, luân chuyển trong sáu đường khổ não. Chưa đến nơi hạ lạc (cùng tột), thì gọi là biển khổ sanh tử, không có bến bờ, chính là như thế.

Hỏi: Đạo của ba thừa là gì ?

Đáp: Do Phật độ sanh, tùy theo căn cơ mà thi thiết, pháp môn phương tiện quyền xảo. Thuyết đại tạng kinh, cũng do ý đó. Nguyên vì pháp của nhất tâm, tức chúng sanh cùng Phật đồng chung bản thể, vốn không có thân tâm. Chỉ vì một niệm vọng động lúc tối sơ, mê mất tâm này, nên mới kết thành thân tâm huyền vọng, tức nay là thân máu mủ thịt thà của mọi người, gọi là sắc thân. Tri giác suy nghĩ hôm nay, chính là vọng tưởng. Tâm kinh thuyết năm uẩn là đó.

Năm uẩn tức là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Nhục thân tức là sắc uẩn. Tâm tức là bốn uẩn thọ, tưởng, hành, thức. Thân tâm biết khổ vui là thọ. Phân biệt tham cầu, niệm niệm không đoạn là tưởng. Tưởng này tương tục không đoạn là hành. Ba cái này tức là tâm thức tri giác suy nghĩ. Thức tức là mạng căn. Lúc chưa mê, chỉ gọi là tánh. Khi đã mê chân tâm, thì có thân tâm huyền vọng này. Thức đó giữ mãi thân này, nên gọi là mạng, cũng là cội nguồn của tánh mạng.

Phật vừa xuất thế, chỉ dạy người liễu ngộ tâm này thôi. Song, vì mê muội đã lâu, nên không thể liễu ngộ. Vì vậy, Phật quyền thiết phương tiện; đầu tiên dạy người nên biết thân này là gốc khổ. Khổ đó do sự huân tập của tham sân si ái, phiền não mà sanh. Do đó, trước tiên con người phải đoạn phiền não, thì mới có thể xuất ra khỏi khổ này. Các người trung căn hạ căn, y theo đó mà tu hành, đoạn dứt phiền não, thì quả nhiên được ra khỏi khổ não sanh tử. Đó gọi là Thanh Văn Duyên Giác, vì là hạ trung nhị thừa. Họ chỉ năng tự độ, không thể độ người, chẳng biết ý chỉ đồng thể tánh, chỉ được nửa phần, nên gọi là tiểu thừa. Nếu có người đại tâm vì chúng sanh, tức đã năng tự độ, lại

năng độ người; tự lợi lợi tha, quảng tu lục độ, tức là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ. Hành lục độ này, khiến tâm kia rộng lớn, gọi là Bồ Tát, hay đại thừa, cũng gọi là thượng thừa. Hai thừa pháp này, đại tạng kinh đều thuyết những việc đó. Chỉ muốn người người liễu ngộ tâm này, cuối cùng quy về nhất tâm đó, tức gọi là tối thượng nhất thừa, hay là Phật thừa. Đây là phép tắc tối cực trong giáo.

Pháp tu hành ba thừa rất nhiều, kể không thể xiết. Song, nếu y một pháp mà tu hành, thì đều xuất sanh tử khổ não, mà chẳng hạn cuộc vào cái nào. Bao loại phương tiện, chỉ vì liễu ngộ tâm này. Chưa đến nơi hạ lạc, chưa liễu ngộ tâm này, thì vẫn còn trong biển khổ, lưu chuyển tùy theo thiện ác. Nếu làm thiện, tức sanh vào loài trời người. Nếu từ tham sân si ái mà gieo nghiệp ác thì đọa vào ba đường ác, thọ khổ vô lượng.

Trong ba thừa pháp này, nếu tu học theo trung hạ thừa, thì đa số khi bị ái dục dẫn dắt, liền tham trước thọ dụng, nên tâm vọng tưởng, không thể đoạn dứt. Người tu học theo thượng thừa, phần nhiều tuy năng hành bố thí trì giới tinh tấn nhẫn nhục thiền định, nhưng chưa có thể vẹn toàn, cũng chưa có thể xuất ra khỏi sanh tử. Lo mãi tu pháp thiện, nên sanh lên trời. Phước báo tận hết thì lại bị đọa, như trục kéo nước giếng, cuối cùng không thể hạ lạc.

Nếu cầu ngộ sáng tâm này, để có thể liễu sanh tử, thì cần chi dùng những pháp xen kẻ như trên. Lại nếu không hạ khổ tâm tràng mà tham cứu, hay phóng túng tham cứu mà không được thiện tri thức chỉ dạy, thì e rằng dụng tâm sai lầm, tức phân lại bị đọa vào tà kiến. Sao lại để một đời trôi qua vô ích ! Tuy muốn cầu hạ lạc mà không thể được. Chỉ thọ phước báo trên trời, sao miễn khỏi luân hồi !

Thế nên, Phật đặc biệt thiết phương tiện thẳng tắt, tức pháp môn niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Nếu trong một đời, tu hành thành tựu pháp môn này, thì khi lâm chung, quyết định hạ lạc. Nay vì Đại Vương mà giảng giải pháp môn Tịnh Độ.

Hỏi: Vì sao thiết lập pháp môn Tịnh Độ ?

Đáp: Phật thiết lập pháp ba thừa, cần yếu cho người tu hành, không phải chỉ một đời mà có thể thành tựu. Vì sợ đọa lạc vào trong biển khổ sanh tử, khó mà xuất ra, nên muốn tham thiền, có thể trong một đời được liễu ngộ, đắc xuất sanh tử. Lại vì vọng tưởng rối rắm, tập khí sâu dày, không thể tham cứu. Nếu chưa ngộ sáng tâm này, thì không miễn luân hồi. Thế nên, Phật mới biệt thiết pháp môn cầu vãng sanh qua cõi Tây Phương Cực Lạc. Không

luận thượng trung hạ căn, cùng sang hèn giàu nghèo, nếu y chiếu theo đó mà hành, thì trong một đời có thể thành tựu. Vì vậy, bảo rằng tuy có nhiều đường lộ tu hành, mà không có gì diệu xảo bằng pháp môn Tịnh Độ.

Hiện tại, sao mình trụ nơi cõi Ta Bà này, là có bao sự đau khổ cùng cực ? Nào là khổ vì sanh, già, bệnh, chết, cho đến khổ vì cầu không được, hay khổ vì oan gia tụ hội. Bao loại khổ não, kể không thể xiết. Tuy là vương hầu tể tướng, được thọ dụng bao sự sung sướng, nhưng đều là nhân khổ. Những sự khổ cực này, thật khó xuất ra khỏi. Thế nên thuyết Tây Phương Tịnh Độ, gọi là Cực Lạc thế giới. Trong cõi nước đó, chỉ thọ các sự sung sướng, nên gọi là Cực Lạc; cõi nước kia không có sự dơ bẩn, nên gọi là Tịnh Độ; không có người nữ, và hóa sanh từ hoa sen, nên không có khổ vì sanh. Thọ mạng vô cùng, nên không có khổ vì già bệnh chết. Y phục thức ăn, tự nhiên sẵn có, nên không khổ vì cầu chẳng được. Chư thượng thiện nhân, đồng tụ hội một nơi, nên không khổ vì oan gia tụ hội. Cõi nước này dùng bảy loại châu bảo để trang nghiêm, nên không có đất đá ngói sỏi, phần tiêu bất tịnh. Bao loại thanh tịnh, hoàn toàn không đồng với thế giới này. Những lời trong kinh A Di Đà, mỗi mỗi đều là sự thật.

Hôm nay, tất cả mọi người, nên cầu sanh qua cõi nước đó, chứ không nên cầu pháp gì khác. Nhất tâm niệm Phật dùng làm chánh hạnh, rồi ngày ngày hồi hướng; lại dùng tâm tưởng hoa sen, thân ngồi trong đó. Đến lúc lâm chung, liền thấy Phật A Di Đà phóng ánh sáng tiếp dẫn; lại thấy hoa sen lớn, vụt ra trước mắt; lại thấy tự thân đang ngồi trên hoa. Trong khoảng một niệm, liền được vãng sanh. Đã vãng sanh qua cõi đó rồi, thì mãi không bị đọa vào đường khổ sanh tử, gọi là Bồ Tát Bất Thối Địa. Đây là kết quả của một đời tu hành. Đời sau hạ lạc (đến nơi trụ xứ) rõ ràng như thế. Trừ pháp này ra, nếu có nói cảnh giới gì khác vào lúc lâm chung thì đó là tà thuyết. Nếu không niệm Phật, thì đến lúc lâm chung, tùy theo nghiệp lành ác đã tạo, cảnh giới thiện ác hiện bày, hối hận cũng không kịp. Đây là pháp môn tu hành thẳng tắt quan trọng nhất, tức là do đức Phật đặc biệt thi thiết phương tiện.

Lúc tu Tịnh Độ, không cần cầu ngộ sáng tâm tánh, chỉ chuyên dùng niệm Phật và quán tưởng làm chánh hạnh; lại bố thí, cúng dường chư tăng, tu bao công đức phước điền, để trợ cho việc trang nghiêm cõi Phật. Trong tâm niệm Phật, tuy phát nguyện vãng sanh, mà trước hết phải biết đoạn căn sanh tử, thì mới mau có hiệu nghiệm. Cội gốc của sanh tử là gì ? Tức là tham trước thế gian bao loại thọ dụng, cùng sắc đẹp, lời hay, vị ngọt, khẩu nồng. Tất cả đều là gốc khổ.

Hiện nay, một hạng người tà có đủ cả tâm sân hận phẫn nộ, cùng tâm chấp trước si ái, và đồng với tà ma ngoại đạo, tà thuyết của tà sư, tà pháp của tà giáo, dám vọng xưng là giáo pháp Đạt Ma Viên Đốn, cùng vọng lập giáo pháp Nam Dương Tịnh Không Vô Vi, Quy Gia. Mỗi mỗi đều là lời nắn tạo của bọn tà nhân trong đời cận đại, khiến làm rối loạn mê hoặc luật pháp của thế nhân. Người người phải tận khước từ nhỏ bỏ. Cho đến những thuật toàn chân nắm bỏ âm dương, thuyết nội đan ngoại đan, đều là tà pháp, không thể tin vào, mà chỉ đơn thuần tin chắc pháp môn niệm Phật. Mỗi ngày tụng kinh A Di Đà hai quyển. Niệm vài ngàn danh hiệu Phật, hoặc không cần đếm số. Tâm tâm không quên danh hiệu Phật, tức là thoại đầu, và cũng là căn tông của tánh mạng. Lại không cần hỏi tánh mạng là gì, bản lai diện mục là gì, cùng những thuyết ba hồn bảy vía nguyên thân là gì.

Nếu nơi thân máu mủ thịt thà này, mà nhận thức sai lầm nơi luận đàm tông chỉ, thì không thể hạ lạc. Nếu hỏi rằng cuộc đời này như thế nào, và đời kế ra sao, thì nên biết rằng đời này nếu tạo nghiệp ác thì đời sau cảnh ác hiện tiền. Đời này niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, thì đời sau cảnh giới Phật hiện tiền. Toại ý theo sở cầu của mình, đó là việc tốt. Nếu không phải theo đúng sở cầu của thiện tâm, thì đó là việc của tà ma, quyết không thể tin làm theo. Nếu không, sẽ bị ngộ nhận trong trăm kiếp ngàn đời. Kinh Lăng Già và Lăng Nghiêm thuyết rõ tường tận. Nếu thuyết lời phàm có tướng đều là hư vọng, thì đó là lời của pháp môn tham thiền. Đơn đơn chỉ cầu chân tâm thanh tịnh, chẳng dung chứa một vật, nên bảo rằng có tướng tức là hư vọng. Niệm Phật Tịnh Độ, nguyên là do tâm tướng mà thành tựu. Kinh nói: " Nếu quán tướng vi tế thì cõi nước sẽ thành."

Tham thiền muốn đoạn vọng tướng thật khó. Thế nên, nay dùng tâm tướng tịnh để tẩy rửa tâm tướng nhiễm ứ. Nếu hoa sen hiện trước mặt thì quán tướng thành tựu, sao còn bị tướng vọng thôi thúc nữa !

Các pháp môn tu hành không đồng, không thể bàn luận tóm tắt được.

Những lời đối đáp bên trên, mỗi mỗi đều y theo kinh giáo của Phật Tổ mà kiểm nghiệm rõ ràng, chẳng phải là lời đàm luận vọng. Nếu tham thiền, tức lấy việc minh tâm kiến tánh làm chủ. Nếu niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, thì không cần phải mong cầu minh tâm kiến tánh, mà đơn thuần chỉ là niệm Phật. Phật tức là giác. Nếu niệm niệm không quên Phật, tức tự tâm niệm niệm đều minh giác sáng suốt. Nếu quên mất Phật, tức là chẳng giác. Nếu niệm đến độ trong mộng cũng có thể niệm, tức là thường giác không mê.

Hiện tại, nếu tâm này không mê, thì lúc lâm chung tâm này cũng chẳng u muội. Nơi tâm không u muội, tức là hạ lạc.

Hiện tại, Hiền Vương vì quốc sự đa đoan, quyết không thể tham thiền, mà chỉ nên niệm Phật là hay nhất. Không câu nệ trong động tịnh, tức tại mọi nơi đều niệm được. Chỉ là nhất niệm không quên, thì đâu còn xảo pháp nào nữa ! Trước mặt vẫn biết những việc thần thông, nhưng không thể cần cầu. Xưa kia, đức Phật không hứa khả cho học tập việc đó. Nếu được thành Phật, thì tự nhiên sẽ có thần thông, chẳng cần mong cầu. Đây là việc mà quý thần biết trước, chứ con người không thể học được. Vì vậy, không nên nghĩ tưởng đến những việc này. Nếu niệm Phật đến lúc lâm chung, thì tự nhiên sẽ dự biết thời tiết; đó là niệm lực thường ngày được thành tựu, mà không thể cưỡng được.

Những điều như trên, xin Hiền Vương hãy tinh tường lưu ý xem xét.

Khai thị 'Tham Thiền Thiết Yếu. 4-15

Tông thiền môn là truyền tâm ấn của Phật, vốn chẳng phải là việc nhỏ. Khởi đầu, tổ Đạt Ma từ Tây Thiên sang Đông Độ, đơn độc đứng ra truyền tông chỉ, rồi dùng bốn quyển kinh Lăng Già làm tâm ấn. Tuy truyền ngoài giáo lý (giáo ngoại biệt truyền), mà thật ra thiền tông lại dùng giáo để ấn chứng, mới thấy đạo của Phật Tổ không hai. Công phu tham cứu, cũng từ giáo mà ra.

Kinh Lăng Già thuyết: "Ngôi thiền tĩnh tọa trong núi rừng, bậc thượng trung hạ, nên xem xét tự tâm vọng tưởng lưu chú."

Đây chính là bí quyết công phu của đức Thế Tôn. Kinh lại nói: "Tâm ý thức kia do tự tâm mà hiện; tướng của cảnh giới tự tánh vốn là hư vọng. Sanh tử mệnh mỏng như biển cả. Nghiệp thức vô tri. Những nhân đó, tất phải siêu độ."

Đây là lời dạy của đức Như Lai về diệu chỉ ngộ tâm. Kinh lại thuyết: "Từ trên chư thánh, tương chuyển truyền thọ, dạy rằng vọng tưởng vốn vô tánh."

Đó là nơi biểu thị tâm ấn bí mật, và là chỗ ông già mặt vàng (đức Phật) dạy người chỗ tham cứu thiết yếu. Lại nữa, tổ Đạt Ma dạy ngài Huệ Khả (487-593): "Ngoài dứt các duyên, trong không ưu lự. Tâm như tường vách, thì mới có thể nhập đạo."

Đây là lời dạy thiết yếu đầu tiên của tổ Đạt Ma về phương pháp tham cứu. Lúc ngũ tổ Hoằng Nhẫn (602-674) tầm cầu người kế thừa, vừa nghe Lục Tổ (638-713) nói: "Xưa nay không một vật", nên bèn truyền y bát cho. Đó là tông chỉ tương truyền tâm ấn. Sau này, khi vào nam (tức Tào Khê) Lục Tổ lại dạy Huệ Minh: "Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, chính khi đó, gì là bản lai diện mục của thượng tọa Minh?"

Đó là bí quyết tham cứu mà Lục Tổ dạy người trong buổi đầu. Đây mới biết rõ từ trên Phật Tổ chỉ dạy người liễu ngộ tự tâm, nhận ra tự tánh, mà chưa thuyết công án hay thoại đầu.

Sau đời tổ Hành Tư (660-740) ở Thanh Nguyên và tổ Hoài Nhượng (677-744) ở Nam Nhạc, chư tổ sư tùy cơ mà khai thị; phần nhiều đánh vào những chỗ nghi ngờ, khiến người xoay đầu chuyển não để đến nơi ngời ngời. Nếu có những kẻ chưa khai ngộ, các ngài giáng búa kèm, tùy theo thời tiết nhân duyên. Đến đời tổ Hoàng Bá (776-856), Ngài bắt đầu dạy người tham khán thoại đầu. Qua đời thiền sư Đại Huệ (1089-1163), Ngài lại cực lực chủ trương dạy người tham khán công án của cổ nhân. Đây là lấy mũi kim mà gọi là thoại đầu, vì muốn người thiết thật tỉnh ngộ.

Tại sao? Chỉ vì trong ruộng thức thứ tám của các học nhân, chứa đầy bao chủng tử tập khí xấu xa, mà niệm niệm đã huân tập sâu dày, nên mãi tương tục lưu chuyển. Vọng tưởng không thể đoạn, thì chẳng làm gì được. Vì vậy, dùng một câu thoại đầu vô vị vô nghĩa để giáo định với quý vị, hầu mong nhất tề xả bỏ hết nội ngoại tâm cảnh vọng tưởng. Song, vì xả bỏ chưa nổi nên dạy đề câu thoại đầu, như chặt dây nhợ, tức vung một đao lên bèn đoạn dứt hết. Dòng ý thức chảy tương tục đến đây bị cắt đứt. Đó chính là quy tắc pháp thức ngoài dứt muôn duyên, trong không ưu lự, tâm như tường vách của tổ Đạt Ma. Nếu không dùng phương pháp đó mà hạ thủ công phu, thì quyết không thể thấy được bản lai diện mục của mình.

Không phải dạy quý vị tham tâm suy nghĩ nơi ngôn ngữ của công án, như nghi tình của sự bàn thảo. Thiền sư Đại Huệ chuyên dạy người tham khán thoại đầu, như hạ độc thủ bằng tâm lạnh lùng. Ngài dạy đại chúng: "Tham thiền chỉ cần yếu bỏ hư tâm. Lấy hai chữ sanh tử dán lên trán như nhắc mình đang bị thiếu nợ trăm ngàn đồng. Ngày đêm ba thời, lúc ăn cơm uống trà, đi đứng nằm ngồi, cùng bè bạn đối đáp, nơi nào rộn chỗ tĩnh lặng, đều giữ câu thoại đầu.

"Chó có Phật tánh không?"

Triệu Châu (778-897) đáp: " Không."

Quý vị chỉ lo xem khán thoại đầu tới lui, mãi đến lúc không còn mùi vị, chỉ như đánh vào tường vách. Cuối cùng, ví như chuột chui vào sừng trâu, chỉ thấy bao điên đảo đều đoạn dứt. Phải lập tâm lâu dài cùng tự nhắc nhở tiến bước, thì tự nhiên hoa tâm sẽ phát minh, chiếu khắp mười cõi quốc độ. Một lần ngộ bèn ngộ tận cùng triệt để."

Trên đây là búa chày tâm thường mà lão nhân Đại Huệ hằng dùng. Ý chỉ này dạy quý vị dùng thoại đầu để cắt tiết ý căn, hạ vọng tưởng. Nơi lưu chú không hành, phải nhìn lại bản lai diện mục của mình, chứ không phải dạy quý vị tham tâm suy nghĩ về công án, hay bàn thảo về nghi tình.

Lại nữa, bảo rằng phát minh hoa tâm, chẳng do từ người ngoài mà được. Đó là mỗi mỗi lời chỉ thị của Phật Tổ, răn nhắc quý vị phải tham cứu chính mình, chứ không tìm kiếm diệu ngữ của người khác. Ngày nay tham thiền tạo công phu, người người đều bảo tham khán thoại đầu, phát khởi nghi tình, mà không biết hướng vào gốc để tham cứu, cứ lo tâm cầu trên thoại đầu. Cầu đến cầu lui, rồi chợt tưởng xuất một phần quang cảnh, bèn bảo là đã liễu ngộ, liền thuyết kệ trình câu cú, Lại nữa, vì cho là rất hiếm được, nên nghĩ rằng đã đắc đạo, mà không biết hoàn toàn đọa trong vọng tưởng tri kiến. Tham thiền như thế, có phải là làm cho mắt của người hậu thế bị mù lòa chăng ?

Những kẻ thiếu niên ngày nay, ngồi bồ đoàn chưa vững, mà dám xưng ngộ đạo. Nói càn nói bậy, đùa giỡn với con quỷ tri kiến; xem cơ tham thiền như món đồ chơi. Khi cơ phong chợt vụt lên, thì tưởng rằng dùng ý kệ đó để đối đáp với cổ nhân. Đó chỉ là từ vọng tưởng mà ra, như trong mộng chợt thấy cổ nhân. Nếu ngộ đạo quá dễ dàng như người đời nay, thì người xưa chắc đã bắt tài hết rồi. Ngài Trường Khánh ngồi rách cả bảy chiếc bồ đoàn. Triệu Châu trong ba mươi năm không dụng tâm tạp. Nếu dựa vào dữ kiện này, thì căn tánh của cổ nhân chắc rất đần độn, và chắc cũng không xứng để cầm đôi giày cỏ của người đời nay. Cứ mãi tăng thượng mạn khinh người, và chưa được mà tự bảo đã được. Thật rất đáng sợ !

Thuở xưa, khi thiền tông thịnh hành, nơi nơi đều có các bậc minh nhãn thiện tri thức. Thiên hạ đầy đầy những kẻ tham cứu thiền cơ. Cho đến nơi đây cũng còn khai phát, thì hà huống bảo rằng không có thiền ! Thật ra, chỉ vì hiếm tìm được thiện tri thức. Ngày nay, nhà thiền vắng vẻ hoang tàn đã lâu. Chắc chắn, có nhiều người phát tâm tham cứu, rồi may mắn gặp được thiện

tri thức xem xét huyền cơ, tùy theo đương tình mà ẩn chứng. Song, những học nhân còn tâm thức thô thiển, tự cho rằng đã đạt đạo. Lại nữa, họ không tin thánh giáo của Như Lai, chẳng tầm cầu đường lộ chân chánh, chỉ u mê tu hành, tức lấy dấu ấn rẽ mặt mà cho là đích quyết, nào biết tự mình lầm lạc và kéo người khác lạc theo. Có phải đáng sợ lắm không !

Y cứ theo quyền Truyền Đăng Lục, có rất nhiều vị tể quan và cư sĩ đạt đạo. Song, người trong trần lao vào thời nay, giới thô không giữ, lại xúc loạn vọng tưởng, ý mình thông minh. Vừa xem qua pháp tắc cơ duyên của người xưa, mỗi mỗi đều tự phụ, cho mình là bậc thượng thượng căn, rồi ganh tỵ cơ phong, cũng tự bảo là đã ngộ đạo. Kẻ mù dẫn đoàn người mù, tệt hại đến thế !

Ngày nay, lão nhân đề tôn nơi dụng công phu chân chánh thiết thật của Phật Tổ, để cùng mọi người thương lượng. Các bậc cao minh đạt sĩ, mỗi người hãy tự sửa mình chân chánh.

Khai thị cho tông bá Tiêu Huyền Đoàn. 4-16

Tâm thể của chúng ta, xưa nay vốn tròn đầy trong sáng. Hiện tiền không thể đốn ngộ hay đắc được thọ dụng, đều vì từ vô lượng kiếp đến nay, do tham sân si ái cùng bao loại phiền não chướng ngại che lấp tự tâm. Thế nên, không thể dụng công phu tiêm tu ít ỏi. Ngài Quy Sơn bảo:" Học nhân nếu nơi một niệm mà đốn ngộ tự tâm, rồi lại dùng sở ngộ đó, tịnh trừ hiện nghiệp lưu thức, đó mới gọi là tu, chứ chẳng có cách nào khác."

Nếu có học nhân vì cầu đốn ngộ, rồi dừng nơi đó, mà cho rằng không còn công phu nào để dụng, thì tập khí tiềm ẩn thâm sâu, vừa gặp cảnh bèn phát khởi, nên mới lưu nhập vào ma giới dài lâu.

Vã lại, công phu tiêm tu, chẳng có thứ lớp, mà trong nhật dụng thường ngày, hướng vào nơi tâm chưa khởi động niệm, lập định vững chân, phản quán chiếu soi vào trong. Nơi một niệm vừa khởi, bèn thâm xét niệm đó, từ đâu phát ra. Truy cứu đến nơi nhất niệm vừa sanh xuất, liền nhận rõ nó vốn vô tánh, thì tất cả vọng tưởng tình lự đều ngưng lập tức, như nước đá chảy tan. Song, những kẻ quên tâm mình, không phát lực đồng mãnh, không thể đoạn dứt yết hầu, chẳng giác tâm tương tục, thì mãi bị lưu chuyển mà không biết xoay về.

Khai thị cho cư sĩ Vương Hiên Ngung. (7/32) 4-17

Thế nhân dùng thân tâm cảnh giới huyễn vọng mà sinh hoạt. Từ sanh đến tử, chưa từng có một niệm phản giác tự tâm bản lai diện mục. Vì chưa giác ngộ, nên không biết gốc rễ của bệnh tật. Nơi nước lửa chống chọi, bốn đại cùng nhau công phá, đó là thân bệnh. Vọng tưởng phan duyên thương ghét thủ xả, đó là tâm bệnh. Thân bệnh thì thuốc có thể trị, mà tâm bệnh thì không có thuốc để trị. Đức Phật là đấng y vương ở thế gian, có thể điều trị tâm bệnh của chúng sanh, tức dùng bao loại phương tiện, mà rốt ráo chỉ dùng giác để phá vọng tưởng vô tánh; đó gọi là lương dược hoàn sanh vi diệu.

Học nhân muốn cầu pháp môn an lạc, trước tiên phải nhận rõ thân vốn chẳng có ngã. Hãy quán xem trước khi cha mẹ sanh ra, thân máu thịt này từ đâu mà có ! Lúc bốn đại phân ly, thân này an lập tại nơi nào ! Thời thời quán sát như thế lâu ngày đột nhiên sẽ có một niệm tỉnh giác, tức không còn khổ vì thân này nữa, đó là diệu lạc trị thân bệnh. Tất cả bệnh tật đều từ tâm vọng tưởng sanh ra. Thường ngày, dùng niệm quán sát, xem coi nơi khởi của tất cả niệm thiện ác, tức phát hiện cội gốc của bệnh khổ. Dùng niệm lực quán sát nơi khởi, xem coi nó từ đâu mà khởi dậy, rốt ráo diệt về đâu. Lúc vọng tưởng diệt, phải truy cứu nó diệt về đâu. Truy cứu cho đến nơi khởi và chẳng khởi, nơi diệt và chẳng diệt, đó gọi là khởi diệt không từ đâu đến, thì tâm thể tức an nhiên, đắc đại tự tại. Chặt đoạn cửa ải trọng yếu như thế, trước sau không ngừng; trung gian nhất niệm tự cô độc tức nhất niệm này đứng nơi độc lập. Lâu ngày thuần thực, thì căn bệnh vọng tưởng tự nhiên sẽ bị nhổ trừ. Tất cả tâm dơ bản cũng không còn có nơi để nương nhờ. Đó là phương thuốc vi diệu trị tâm bệnh.

Vương Tử Ngung thiết chí hướng thượng, nhưng vẫn còn tầm cầu trên ngôn ngữ văn tự, không biết hướng vào chính mình mà cầu. Tự tâm vọng tưởng đó vốn là căn bệnh. Cứ dùng ngôn ngữ của người, cho là pháp thật. Đó gọi là tăng thêm một lớp chướng ngại. Từ nay, phải giác biết phá trừ tự tâm vọng tưởng, không để chúng trôi buộc xoay chuyển. Phải xem khán nơi khởi của vọng tưởng, quyết không để chúng cứ tiếp tục chạy.

Phật bảo rằng tâm cuồng loạn nếu ngừng, tức là Bồ Đề. Thắng tịnh minh tâm, vốn không từ ngoài mà đắc được. Ngay nơi tự tâm hiện tiền, tức là pháp môn đại giải thoát.

Lão nhân do ông thỉnh cầu khai thị nên đặt cho pháp danh là Phước Giác, tức dùng giác này làm phước vô lượng bậc nhất. Xin hãy cố gắng.

Đáp quan trung thừa Trịnh Côn Nham. (2/1) 4-18

Bàn luận phần đại sự nhân duyên này, tuy ai ai cũng đều có đầy đủ, mỗi mỗi đều hiện thành, không thiếu một sợi lông tóc, chỉ vì từ vô thủy đến nay, hạt giống ái căn, vọng tưởng tình lự, tập khí nhiễm ô thâm sâu, nên chướng che diệu minh, không thể được chân thật thọ dụng. Thật ra, chỉ tại bóng hình thân tâm thể giới vọng tưởng mà tạo nên cuộc sống. Vì vậy, trôi dạt trong sanh tử.

Phật Tổ ra đời, dùng ngàn lời muôn lẽ, bao loại phương tiện, thuyết thiên thuyết giáo, chẳng ngoài việc tùy thuận theo căn cơ, phá chấp cho chúng sanh, mà hoàn toàn không có pháp thật và người thật. Bảo là tu, chỉ vì tùy thuận tự tâm, tịnh trừ bóng ảnh của vọng tưởng tập khí, mà mới dụng lực nơi đó. Nếu nhất niệm vọng tưởng chợt ngưng, bèn thấy rõ tự tâm, xưa nay vốn tròn đầy sáng soi bao la, bản nhiên thanh tịnh, chẳng chứa một, đó gọi là ngộ. Trừ ngoài tâm này, chẳng vật gì là có thể tu có thể ngộ. Tâm thể như tấm kiếng; vọng tưởng phan duyên như bóng hình, mà làm chướng ngại chân tâm, nên gọi tướng vọng tưởng là trần, thức tình là cấu. Nếu tiêu dung vọng tưởng, thì bản thể tự hiện. Ví như lau kiếng, sạch bụi bặm thì ánh sáng hiện ra. Pháp cũng như thế.

Song, chúng ta tích tụ tập nhiễm kiên cố đã bao kiếp, cội gốc ngã ái thâm sâu khó nhổ trừ. Đời nay may mắn gặp được bốn cụ Bát Nhã. Trong luân tập làm nhân. Ngoài nhờ thiện tri thức dẫn phát làm duyên. Tự biết bản hữu, phát tâm chí nguyện thú hướng, liễu thoát sanh tử, để cội gốc sanh tử trong vô lượng kiếp đến nay, nhất thời liền bị đốn trừ. Há là việc nhỏ ư ! Nếu không phải là người đại lực lưỡng, tự thân đảm đang, đơn độc mang đao nhập thẳng vào, thì rất là khó khăn. Cổ nhân bảo rằng như một người mà chống với muôn người, chẳng phải là lời nói hư vọng.

Đại lược, đời mạt pháp người tu hành rất nhiều, nhưng đắc chân thật thọ dụng lại rất ít. Phí sức lực thì nhiều, mà đắc lực thì ít. Tại sao ? Nhân vì không đi thẳng đến nơi hạ thủ công phu, chỉ lo tu trên ngôn từ thấy nghe tri giải, nắm bít thức tình, đè ép vọng tưởng, dụng công phu trên bóng hình. Đầu tiên, lấy những lời huyền ngôn diệu ngữ của cổ nhân chấp chứa trong ngực, mà làm pháp thật, rồi tự cho đó là tri kiến của mình, chẳng hề biết trong đó dùng một điểm nhỏ cũng không thể được. Đó chính gọi là y theo người mà tác giải, khiến làm bế tắc cửa tự ngộ.

Nay dụng công phu, trước hết phải chẻ dẹp tri giải, chỉ nhắm vào nơi một niệm mà dụng công. Phải tin chắc tự tâm, bản lai thanh tịnh trong sạch, chẳng quấy một tác duyên, tròn tròn sáng sáng, tràn đầy khắp pháp giới, vốn không có thân tâm thế giới, cùng chẳng có vọng tưởng tình lự. Một niệm này, vốn tự vô sanh. Bao loại cảnh giới trước mắt đều là vọng huyễn không thật, chỉ xuất phát từ trong chân tâm mà hiện ra bóng hình. Khám phá như thế, ngay nơi vọng tưởng khởi diệt, nhất định tìm xem nó từ đâu khởi và từ đâu diệt. Dùng lực ép chặt như thế, chẳng màng đến bao vọng niệm, kẹp nát tan thành phần vụn, thì băng tan ngói bể. Thiết yếu chẳng lưu chuyển theo chúng, cũng không thể khởi tâm tương tục. Đại sư Vĩnh Gia bảo rằng phải đoạn tâm tương tục là như thế. Tâm thô phù hư vọng, vốn không có căn tựa. Chớ nên cho chúng là thật. Cứ giữ tại ngang ngực, lúc chúng khởi lên liền quát, Vừa quát chúng liền tiêu. Thiết yếu không đè ép, hãy để chúng tự nhiên khởi, như nước trên quả hồ lô, chỉ ném phút thân tâm thế giới qua một bên. Đơn đơn đích đích đề nơi một niệm này, như vung bảo kiếm trong hư không, dầu là Phật là ma, một đao nhất tề chặt tuyệt, như chém dây nhợ. Lực lực phải cầm chặt đuôi chúng đi. Đó gọi là trực tâm chánh niệm chân như. Chánh niệm tức là vô niệm. Quán được vô niệm thì mới gọi là hướng đến tri kiến của Phật.

Vừa mới phát tâm tu hành, cần thiết phải tin chắc pháp môn duy tâm. Phật thuyết ba cõi duy tâm, vạn pháp duy thức. Đa số, giáo lý Phật pháp, thường giải thích tám chữ này rõ ràng để người người tin nhận. Hai đường thánh phàm chỉ nằm trong hai con lộ mê ngộ của tự tâm. Tất cả nhân quả thiện ác, trừ ngoài tâm này, chẳng một mảnh gì có thể đắc được.

Diệu tánh thiên nhiên của chúng ta, vốn không chút nơi ngộ, sao còn có mê. Hôm nay thuyết mê, chỉ vì chưa liễu tự tâm vốn không có một vật; không đạt được lý thân tâm thế giới vốn không, nên bị chúng làm chướng ngại. Cứ chuyên cho tâm vọng tưởng sanh diệt là chân thật, nên nơi cảnh duyên của sáu trần, bao loại huyễn hóa nhận lầm là thật có. Bây giờ phát tâm thú hướng, lại đi ngược dòng để hướng thượng, thì hoàn toàn phải tận tình vứt hết những tri giải lúc trước. Một điểm tri kiến xảo pháp dụng cũng không được. Chỉ việc xem thấu thân tâm thế giới, hoàn toàn là do tự tâm hiện ra sắc thô phù hình huyễn, như ảnh tượng trong kiếng, như trăng soi mặt nước. Quán tất cả âm thanh, như gió thổi qua cây. Quán tất cả cảnh giới, tựa như mây nổi trên nền trời, đều là những việc huyễn hóa không thật, chẳng đơn độc từ ngoài đến. Vọng tưởng tình lự của tự tâm, tất cả hạt giống ái căn, tập khí phiền não, đều là hư phù huyễn hóa không thật. Quán sát thâm sâu như thế, phàm một niệm khởi, quyết định nhìn thấu nó đến khi hạ lạc. Thiết yếu

không thể khinh nhờn mà bỏ qua, cũng không để chúng làm che mờ. Phải dụng công phu như thế, cùng thêm thiết tha chân thật. Trừ pháp này ra, hợp lại những xảo pháp huyền ngôn tri kiến, hoàn toàn không có chút liên hệ. Dầu gọi là dụng công phu, cũng chỉ là bắt đắc dĩ mà làm. Ví như dụng binh, nếu quân không có vũ khí tốt, thì bắt đắc dĩ mới dùng.

Cổ nhân thuyết tham thiền đề thoại đầu, đều là việc làm bắt đắc dĩ. Công án tuy nhiều, mà đơn độc chỉ có niệm Phật đích thật mới là thoại đầu, vì dễ dàng tu đắc lực trong trần lao. Tuy vậy, bắt quá chỉ như đập ngói cửa thành quân địch, và cuối cùng cũng phải ném vứt đi. Chỉ là ít vì không dụng được một lần. Nay dụng công phu, phải có lòng tin vững chắc, tâm quyết định vững chắc, trì giữ vững chắc, quyết không do dự. Không thể ngày nay như vậy, rồi ngày một như kia, vì sợ không đắc ngộ, và hiềm ngờ không huyền diệu. Tính toán như thế, đều là chướng ngại. Trước hết phải phá sạch chúng, để lúc lâm chung không sanh nghi ngờ. Lúc công phu đến nơi đắc lực, ngoại cảnh không thể nhập, chỉ có phiền não trong nội tâm, vô trạng dạng ngang ngành khởi, hoặc dục niệm chột phát, hoặc tâm sanh ưu sầu, hoặc khởi bao loại phiền não, cho đến tâm mỗi lực mệt, không thể làm gì được. Đây là trong thức thứ tám, hàm chứa bao hạt giống tập khí trong vô lượng kiếp. Nay bị công phu bức bách, đều hiện xuất ra. Việc quan trọng nhất là phải sớm nhận biết ra nơi đây. Trước tiên phải nhận thức phá trừ, nhìn thấu suốt; quyết không để chúng giam nhốt; quyết không theo chúng mà lộng hý; quyết không cho đó là thật, mà chỉ phân chấn tinh thần, phát khởi tâm dũng mãnh, đề khởi câu thoại đầu đang tham cứu. Nơi thoại đầu vừa khởi, thì bèn chống cự đuổi chúng đi. Bản ngã chân thật nguyên chẳng có những việc như thế. Hỏi nó đến từ chỗ nào, rốt ráo là gì ! Quyết định phải nhìn đến khi hạ lạc. Như thế mà ép đuổi chúng đi, thì chỉ khiến quý thần đều khóc lóc, tuyệt tung ẩn tích; phải đuổi tận giết tuyệt không lưu một tắt dây. Dụng lực như thế, tự nhiên sẽ nghe tin tức lành. Trong một niệm nếu cưỡng phá được, thì tất cả vọng tưởng, nhất thời đều rơi rụng, như hoa rụng từ trên hư không, sáng soi lắng đọng. Qua được chặng này, thì đắc được vô lượng khinh an, tự tại. Song đây chỉ là nơi đắc lực của người sơ phát tâm, chẳng phải là huyền diệu. Nơi bình lặng khinh an tự tại, chớ sanh tâm vui mừng, vì nếu như thế, sẽ bị con ma vui mừng bám vào tâm, tức tăng thêm chướng ngại.

Ngay nơi tạng thức, hạt giống tập khí ái căn kiên cố thâm sâu ẩn tàng, không thể dụng lực thoại đầu lên nổi, quán chiếu tâm cũng không được, tự mình hạ thủ công phu không xong, thì phải lễ Phật tụng kinh sám hối; lại cần phải mật trì tâm chú, nương nhờ mật ấn của chư Phật mà tiêu trừ chúng. Các bài mật chú, đều là tâm ấn kim cương của chư Phật. Chúng ta dùng mật chú, như

bảo xử kim cương đập nát tất cả vật. Vật vừa chạm vào bèn bị tan nát như hạt bụi. Từ trên Phật Tổ tâm ấn mật quyết, đều không vượt ngoài lý này. Vì vậy, bảo rằng mười phương Như Lai, trì tâm chú này, mà đắc thành đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác. Phật đã nói rõ rằng, sợ môn hạ của chư tổ sư bị lạc vào thường tình, nên thầm thuyết mật chú, chẳng phải là vô dụng. Thế nên, ngày thường phải định thời khóa, thì lâu sau thuần thục, đắc lực thậm đa, nhưng không thể hy vọng cầu mong thần thông cảm ứng.

Phàm người tu hành, có ngộ rồi mới tu, hay tu rồi mới ngộ, mà ngộ có giải chứng không đồng. Nếu y theo ngôn giáo của Phật Tổ mà minh tâm, giải ngộ, thì đa phần lạc vào tri kiến. Nơi mọi cảnh duyên, đa phần không thể đắc lực. Dùng tâm cảnh mà lập sừng, không thể dung hòa, nên chạm đường thành ngưng trệ, và đa phần tự làm chướng ngại. Đây gọi là danh tướng tựa Bát Nhã, chẳng phải tham cứu chân thật. Người chứng ngộ, mọi việc từ trong tự tâm, thật đã xả bỏ hết. Bức ép đến nước cùng non tận, đột nhiên nhất niệm liền ngưng, triệt liễu tự tâm, như giữa ngã tư đường, gặp lại cha mình; lại không thể nghi ngờ, vì như người uống nước, lạnh nóng tự biết, cũng không thể thổ lộ với người, đó mới là chân tham thật ngộ. Sau đó, dùng nơi chỗ ngộ mà dung hội tâm cảnh, tịnh trừ hiện nghiệp lưu chuyển. Ý thức vọng tưởng tình lự, đều chảy ra thành một vị chân tâm, tức là chứng ngộ. Chứng ngộ này, sâu cạn không đồng. Từ cội rễ mà khởi công phu, đã phá hang lỗ của thức thứ tám, lấp trừ hang hố của vô minh, nhất siêu liền nhập vào, lại không có thừa pháp. Đây là nơi chứng đắc thâm sâu của bậc thượng thượng căn; còn lại thì là tiệm tu, sở chứng rất ít. Nơi đáng sợ nhất là thường lấy ít cho là đủ, nên đọa tại cửa ngõ bóng hình, còn nói chi chưa phá trừ được cội gốc của tám thức, cứ mãi buông lung làm bậy; đó đều là việc bên ngoài thần thức. Nếu nhận chúng là thật, tức nhận giặc làm con. Cổ nhân bảo rằng người học đạo, không nhận thức chân thật được, chỉ vì nhận lầm thần thức trước mắt. Cội gốc sanh tử từ vô lượng kiếp đến nay, người ngu nhận lầm chính là mình.

Ngay nơi đó, tối trọng yếu là phải nhìn thấu suốt. Thế nên, bảo rằng đốn ngộ rồi tiệm tu, nghĩa là trước ngộ đã triệt thấu, nhưng vẫn còn tập khí, chưa có thể tẩy rửa liền. Ngay trên tất cả cảnh duyên, dùng lý ngộ này, khởi lực quán chiếu, duyệt cảnh kiểm nghiệm tâm. Dung đắc một phần cảnh giới, chứng đắc một phần pháp thân, tiêu một phần vọng tưởng, hiển lộ một phần căn bản trí, hoàn toàn đều do nơi công phu miên mật. Dụng công ngay trên cảnh giới, thì là đắc lực.

Phàm người tu hành có lợi căn, tín tâm dũng mãnh, lúc dụng công phu, sự chướng dễ trừ, nhưng lý chướng khó xê dịch. Bệnh này lược kê có hai phần.

Thứ nhất, không thể tham cầu huyền diệu. Việc này vốn bình bình kháng khí, thật thật lạc lạc, một vị bình thường, chẳng có chi là huyền diệu. Thế nên cổ nhân dạy rằng đã ngộ đồng với chưa ngộ; y nhiên chỉ như người xưa, nhưng chẳng phải là hành lý thời xưa, lại không có huyền diệu. Công phu nếu đủ, thì tự nhiên bình thật, rồi tẩy rửa trong sạch tập khí tri giải của chúng ta; bên trong phải huân tập trí Bát Nhã; khởi các huyền hóa xảo kiến bao đời, buộc ràng tâm đó, mới gọi là huyền diệu; thâm nhập không xả. Đó chính là thần thức ảnh sáng, cội gốc vọng kiến phân biệt, cũng gọi là kiến thứ, khác biệt với vọng tưởng thô phù khi trước. Song, đây vẫn còn trôi chảy sanh diệt vi tế, cũng gọi là tri chướng, chính làm ngăn ngại chánh tri kiến. Người nào nhận lầm đó là chơn thật, tức khởi bao loại kiến chấp điên cuồng. Phải nên bỏ đi.

Thứ đến, không thể đem tâm chờ ngộ. Diệu viên chân tâm của chúng ta, bản lai tuyệt không mong chờ. Nhân vì vọng tưởng ngưng kết, tâm cảnh căn trần đối đãi mà lập sừng, nên khởi mê hoặc tạo nghiệp. Nay người tu hành, chỉ một niệm phóng xả thân tâm thế giới. Đơn đơn đề khởi niệm này hướng về phía trước. Cần thiết là chờ quán ngộ hay không ngộ, chỉ quán là niệm niệm bước bước chưa dụng được. Công phu nếu đến nơi đến chốn, thì tự nhiên đắc kiến bản lai diện mục, sao còn tính toán chi ! Dùng tâm mong đợi ngộ, tức tâm mong đợi này là gốc rễ của sanh tử. Đợi đến cùng kiếp, cũng không thể ngộ. Thế nên, không thể liễu tuyệt, mong đợi chân tâm, mà bảo rằng sẽ có. Tâm mong đợi nếu không trừ, thì dễ dàng sanh mỗi một chán chường, và đa phần trở thành thói đọa. Ví như tìm vật mà không thấy, thì khởi tâm muốn nghỉ ngơi.

Lại nữa, không thể hy vọng mong cầu diệu quả. Chúng sanh sanh khởi vọng tâm, nguyên là Như Lai quả thể. Ngày nay đang trong mê muội, đem thân thông diệu dụng của chư Phật, biến thành vọng tưởng tình lự, khởi tri kiến phân biệt. Đem pháp thân chân tịnh biến thành chất nghiệp sanh tử. Đem cõi thanh tịnh vi diệu, biến thành cảnh giới sáu trần. Dụng công phu hôm nay, nếu một niệm đốn ngộ tự tâm, như cái lu đổ hồng, chảy tan thành vạn tượng. Thân tâm thế giới này, nguyên là quả thể của Như Lai. Vọng tưởng tình tự, nguyên là thân thông diệu dụng. Thay danh chứ không đổi thể. Đại sư Vĩnh Gia bảo: " Vô minh thật tánh, tức Phật tánh. Huyền hóa không thân tức pháp thân."

Liễu ngộ được pháp môn này, thì thủ xả tình vọng, tâm vui mừng chán chường đều ngừng, bước bước đều là cõi tịnh độ Hoa Tạng, tâm tâm đều là Di Lạc hạ sanh. Vọng tâm vừa cầu diệu quả, tức tâm hy vọng mong cầu, thì là cội rễ của sanh tử, làm chướng ngại chánh tri kiến. Càng cầu càng xa, nên lực mong cầu mỗi một, tức sanh tâm chán chường.

Lại nữa, không thể tự sanh nghi ngờ. Phàm dụng công, chỉ việc phóng xả thân tâm, tuyệt kiến văn tri giải; phải thoát khỏi bước đó. Kẻ mù vọng hướng đến nơi chẳng phải an thân lập mạng; tiến bước đến nơi không chứng ngộ mới mẻ, nên thôi thất dừng nghỉ. Trước sau nếu trừ lự, tức sanh tâm nghi ngờ; khởi vô lượng tính toán, suy lường được thua, hoặc lại sanh ức kiến phỏng đoán, phát động tà tư, ngăn ngại chánh tri kiến. Phải nên nhìn thấu việc này, quyết định đi thẳng vào, không còn xoay đầu lại. Đại khái, không màng có dụng được công phu hay không, đó chính là nơi đắc lực. Lại nữa, phải gia tinh thần thêm sáng khoái, mà không thôi thất. Ngược lại, sẽ bị đọa làm ma ưu sầu.

Ngoài ra, chớ sanh tâm sợ hãi. Công phu niệm lực cấp thiết, bức ép vọng tưởng trong một niệm liền ngưng. Thân tâm đột nhiên trống không, rồi thấy đại địa chẳng có một tác đất, thậm chí vô cực, bèn sanh tâm sợ hãi. Không nhìn thấu cảnh giới này, bèn chẳng dám tiến bước; hoặc ngay nơi đó chợt đạt lý không, bèn cho là thắng diệu. Nhận lầm lý không này, tức sanh đại tà kiến, bác không nhân quả. Đây là việc rất nguy hiểm.

Lại thêm, quyết định tin tự tâm là Phật. Phật chẳng khác Phật. Duy tâm là như thế. Pháp thân chân thật của Phật giống như hư không. Đạt được vọng tưởng vốn không, thì bản hữu pháp thân tự hiện, quang minh tịch chiếu, tròn đầy biến khắp, không thiếu không thừa. Không thể đem tâm hướng ngoại truy cầu. Bỏ tâm này mà chạy đi tìm cầu bên ngoài, thì trong tâm biến khởi vô lượng cảnh giới mộng tưởng. Đấy chính là thần thức biến hiện, thiết yếu không khởi tưởng kỳ đặc. Trong tâm thanh tịnh của chúng ta, vốn không một vật, lại không một niệm. Phàm khởi tâm động niệm, liền ngược với pháp thể. Người dụng công ngày nay, đa phần không biết tự tâm vọng tưởng, nguyên là hư vọng. Đem vọng tưởng này, nhận lầm là chân thật, chỉ chuyên cùng nó đối đầu, như trẻ em đùa giỡn với lửa, càng giỡn càng không có liên hệ gì; đùa mãi bèn tự sanh tâm sợ hãi. Lại có người sợ vọng tưởng, rồi hận không thể nắm bắt được, bèn liệng qua một bên. Ví như bắt gió nắm hình, cả ngày đùa giỡn phí tận khí lực.

Lúc chưa có một niệm nào ngưng được, lâu dài ngày càng bị trói buộc, thì tín tâm càng mỗi mệ, chỉ bảo tham thiền không linh nghiệm, bèn sanh tâm hủy báng, hoặc sanh tâm sợ hãi, hoặc sanh tâm thối đọa. Đây là bệnh của kẻ sơ phát tâm, chẳng có gì khác hơn. Do chưa đạt được chân tâm thường trụ, tánh bất sanh diệt, nên lấy vọng tưởng nhận là pháp thật. Gặp những cảnh giới này, cần yếu phải nhìn xuyên thấu. Vượt qua được cửa ải này, thì tự nhiên có con đường hướng thượng. Chỉ nên rời tâm ý thức mà tham quán, và xa lìa tâm vọng tưởng mong cầu cảnh giới. Nơi một niệm vừa khởi, chẳng màng lành hay dữ, hãy ném phứt chúng đi, chớ cùng chúng đối đầu. Tin chắc trong tự tâm, vốn không có những việc đó, rồi đề khởi câu thoại đầu xưa, như bảo kiếm kim cương, ma Phật đều chém. Nơi đây phải có lực đại dũng mãnh, đại tinh tấn, đại nhẫn nhục; quyết không nghĩ trước tính sau; quyết không khiếp nhược. Phải trực tâm chánh niệm, thẳng thân hướng phía trước, thì tự nhiên đường đường cao ngất; chớ bị những vọng tưởng này trói buộc, như thoát khỏi môi chim ưng, thì trong hai mươi sáu thời, tất cả cảnh duyên, tự nhiên không bị ràng cùm, và tự nhiên đắc đại khinh an cùng đại tự tại. Đây là nơi đắc lực đầu tiên của người sơ phát tâm.

Những lời lẽ bên trên, ví như vẽ thêm chân rắn, cũng chỉ là lời phương tiện, chẳng phải là cứu cánh, cùng không phải pháp thật. Vừa bước ra cửa, ngay bên đường lộ, sợ đi lầm lạc, uổng phí tâm lực, lãng mất thời giờ, thì phải thẳng dùng pháp môn chân chánh, siêu xuất trên con đường diệu trang nghiêm. Đó gọi là bước trên con đường bằng phẳng chân chánh. Những tật bệnh đó như gió thổi. Thực hiện được như thế, thì đi ngược lại với kiếp sống luân hồi. Phải bước theo đường lộ hướng thượng của Phật Tổ, mà không màng gì những lộ trình khác. Đây là phương tiện cho người sơ phát tâm. Phải nhìn xuyên thấu đáo.

Khai thị cho Phùng Sanh Văn Nhụ. (3/13) 5-19

Người học đạo, đầu tiên nhất phải quyết định phát khởi ý chí tu hành dài lâu. Đến suốt cuộc đời, mãi tới ba đời, năm đời, mười đời, trăm đời, ngàn đời, muôn ngàn đời, cùng đến sanh sanh kiếp kiếp, nhất định tới khi nào đại ngộ mới thôi. Không đại ngộ được tâm này thì quyết chẳng ngơi nghỉ. Dầu có đọa lạc vào ba đường khổ địa ngục, hay nhập thai lừa vào bụng ngựa, thì chí nguyện thành Phật cũng quyết không xả bỏ. Lại nữa, ngày nay không vì bao khổ não bức bách mà thối thất tín tâm.

Ví như có người phát tâm đi muôn dặm đường, quyết định đến được mục đích mới thôi. Từ ngày vừa bước chân ra cửa, đi thẳng đến nơi cửa nhà của

người đó, thân cận người muốn gặp đó, cho đến thẳng lên thất đường của người đó, cùng người đó giao tiếp vui hợp, mãi tới lúc mất mạng mới thôi. Đây mới gọi là có ý chí quyết định. Nếu như không có ý chí quyết định rõ rệt, chỉ bảo bước ra cửa là đủ, rồi xoay đầu nhìn lại chỗ cũ; bao tham ái không xả, hoặc dè dặt đình đốn. Miệng nói đi mà tâm không muốn tiến. Hoặc may mắn gặp bạn bè thông minh mạnh khỏe, rồi cùng vị này bước chân ra cửa. Vừa lên đến đường lộ thì rầy rạc buông lung. Hoặc gặp phường hát xướng trong những nơi phú quý giàu sang, khiến mắt tai tham luyến mà đến gần để vui chơi, mà quên mất tâm nguyện bước ra cửa nhà khi trước. Hoặc mơ màng chẳng biết nơi phải đến. Hoặc giữa đường thấy duyên sai biệt, tức gặp bạn ác duyên xấu. Đùa giỡn mãi đến khi hao của hư tài, lại thêm tật bệnh bủa vây, nên tiến thối bàng hoàng, sanh vô lượng khổ sở. Hoặc thân thể kiệt huệ vì đã lâu chịu bao lao khổ gió sương, rồi lại sanh tâm thối thất. Hoặc gần đến cửa nhà, mà gặp những cảnh những cơ sai biệt. Hoặc cho những lời sai tiếng bậy là chân thật, nên đã gần tương kiến mà không thể gặp được người đó. Đã đến được cửa mà không thể vào nhà. Những người như thế đều làm uổng phí công huân may mắn. Nói chung, không thể chân thật đến nơi rốt ráo vì lúc vừa phát tâm, không có ý chí quả quyết. Vả lại, cứ như thế mà muốn làm chút ít công danh sự nghiệp ở thế gian, nhưng cũng không thể làm được, hà huống Phật đạo vô thượng, cắt đứt sanh tử, chứng quả Bồ Đề !

Vì vậy bảo rằng Phật đạo dài dằng dặc, mãi thọ cần khổ, mới có thể thành tựu. Sao muốn sớm có hiệu nghiệm, mà cầu thành tựu mau chóng !

Ngoài ra, khi đã có ý chí kiên quyết rồi, cần phải có tri kiến chân thật. Nếu tri kiến không chân thật thì chí nguyện không thể hướng tới, hạnh nguyện không thể hành đến được, cũng lại uổng phí công phu. Chúng ta đã có chí nguyện cầu đạo, thì phải tin tự tâm, thể vốn là Phật, bản lai thanh tịnh không chứa một vật, và bản lai vốn sáng soi bao la.

Ngay tại công việc hằng ngày mà chưa đắc được thọ dụng chỉ vì bị các huyền vọng làm mê muội, và bị bốn đại làm che mờ, cùng vọng tưởng tâm phù làm chướng ngại, nên khó được thấu triệt. Qua được cửa ải sanh tử không chỉ là ngàn đời vạn kiếp thôi.

Chúng ta đã biết tâm này, thì phải tin chắc chẳng nghi. Ngày nay phát tâm, quyết lấy sự đắc ngộ làm kỳ nhật, rồi từ đó phát khởi công phu, tức là đã đi ra cửa một bước. Bây giờ thân cận và thừa sự những lời chỉ dạy của thiện tri thức, tức là đã xuất phát đi. Xuất phát khởi hành, trên đường gặp bao cảnh

giới, bao khó khăn, bao việc trì hoãn chậm trễ, bao việc bịn rịn không bịn rịn, bao việc thối lui không thối lui. Tất cả đều do học nhân tự đặt bước suy xét xem coi có hợp với bốn phận sự của mình không, chứ thiện tri thức chẳng giúp gì được hết !

Nguyên Sanh Văn Nhụ có chí như thế, phải chọn nhặt ra lông mi, và xem coi gót chân đầu tiên vừa bước ra cửa như thế nào !

Khai thị thiên nhân Trí Vân. 5-20

Người học đạo phải hội đủ những điều kiện sau:

1. Phải nhìn thông suốt cảnh giới ở thế gian. Không để vọng duyên chuyên biến.
2. Phải chú tâm vì đại sự sanh tử. Tâm tràng sắt đá quả quyết. Chẳng để vọng tưởng phan duyên xâm đoạt ý chí.
3. Phải tẩy rửa sạch tận hết tất cả tập khí xấu xa và ác giác tri kiến thuở xưa, mà không chừa một mảy lông nào.
4. Phải chân thật xả bỏ thân mạng. Không để bị sanh tử, bệnh hoạn ác duyên làm chướng ngại.
5. Phải phát khởi chánh tín, chánh kiến. Không thể nghe theo tà sư khiến mê lầm.
6. Phải nhận rõ chỗ dụng tâm chân thật thiết thực của cổ nhân, rồi dùng tâm đó mà tham cứu thoại đầu
7. Nơi công việc làm hằng ngày, luôn trì giữ chánh niệm, chớ để duyên huyễn hóa làm mê hoặc. Tâm tâm không ngừng tu đạo; động tịnh nhất như.
8. Phải trực niệm hướng phía trước. Không thể đem tâm mong đợi giác ngộ.
9. Phải có tâm lâu dài. Chí chưa đến nơi thành tựu của cổ nhân thì quyết chẳng cam ngừng nghỉ. Không thể được ít cho là đủ.
10. Trong lúc dụng công phu, niệm niệm phải vừa xả vừa nghỉ. Vừa xả mà xả. Vừa nghỉ mà nghỉ. Xả cho đến lúc không thể xả được nữa. Nghỉ cho đến nơi không còn chỗ để nghỉ, thì tự nhiên sẽ được tin tức lành.

Học nhân dụng tâm như thế, thì cùng bốn phận sự có chút phần tương ứng. Phải có chí hướng thượng, và phải tự thúc đẩy tinh tấn tiến bước.

Khai thị cho thiền sư Thừa Mật. (6/38) 5-21

Công việc hằng ngày của học nhân là phải quán bốn đại như bóng hình; quán những việc trước mắt như mộng; quán tâm như dòng nước chảy cuộn cuộn; quán động tác như người gõ; quán âm thanh như tiếng vang trong hang; quán cảnh giới như hoa rơi trên không. Lúc quán như thế, không còn ngã và ngã sở, không người làm không người tạo; đến đi đứng ngồi, không khởi không ngưng; ứng niệm nhớ vô sanh. Đó gọi là nhập vào tam muội vô tránh.

Khai thị cho Sa Di Tại Tịnh. (7/9) 5-22

Phật dạy hai mươi việc khó được, mà trong đó có: "Được thân người là khó; sanh tại trung quốc là khó; được gặp Phật pháp là khó; thân cận thiện tri thức là khó; sanh chánh tín là khó."

Đây là năm việc khó trong những cái khó. Sa Di Tại Tịnh đã đủ bốn việc, chỉ còn thiếu việc sanh chánh tín. Hôm nay, may mắn xuất gia, gặp được đại thiện tri thức mà quy y, lại đem thân vào biển Phật pháp. Việc này do duyên tu hành như thế nào mà được? Nếu không phấn tấn dũng mãnh, sanh đại chánh tín, đem thân tâm huyễn vọng tẩy rửa cho thanh tịnh trong sạch, lật ngược tánh mạng, chí xuất sanh tử, rộng tu vạn hạnh, kết đại duyên thành Phật vô thượng, thì chẳng phải xấu hổ, làm mất hạt giống thiện căn trong bao đời sao!

Cổ đức dạy rằng thọ khổ trong ba đường ác, chưa gọi là khổ. Làm mất y ca sa trên thân mới thật là khổ. Phật bảo rằng tâm như dây tơ thẳng, mới nhập đạo được. Dây tơ thẳng tức là không có tướng cong vạy. Tướng cong vạy là gì? Tức là tâm tinh xảo máy móc, tâm trộm cướp, tâm láu lỉnh, tâm che đậy, tâm chẳng biết xấu hổ, tâm làm biếng, tâm thấy lỗi của người, tâm cống cao ngã mạn, tâm tự thị khi dễ người, tâm bất sanh hiếu thuận từ mẫn. Tổng quát, tất cả tâm bất thiện đều là tướng cong vạy của tự tâm. Nay muốn phát tâm tu hành, chỉ đem tất cả tâm như trên, tận hành quét sạch. Thời thời kiểm điểm. Niệm niệm chiếu soi quán thúc, chớ phóng xả chúng. Sợ không thể đón ngộ, hãy lấy một công án của cổ nhân, giữ trong ngực. Lúc tập khí phát khởi, bèn đề lên câu thoại đầu này, chống cự với chúng. Lâu sau thuần thục, tức tâm tự điều phục ngay thẳng, mà đạo tâm ngày càng tăng trưởng, hạnh môn ngày càng tinh tấn, tâm địa ngày càng sáng suốt. Suốt đời hành như thế,

thì gọi là không uổng phí đời tu. Ngược lại, đợi lúc sanh tử đến, thì dùng gì để đề đối chúng ?

Sa di Tại Tịnh hãy tự suy nghĩ, quyết chẳng nên bỏ qua, xem thường những lời này.

Khai thị cho thầy Đại Tịnh. 5-23

Hỏi: Ngài luôn bảo là trừ phi được ấn giáo, không thể cho rằng có chánh tri chánh kiến. Song, tham tầm giáo lý vốn là tập khí sâu xa, thật khó tẩy trừ, ví như dầu đã bị đổ vào bún. Nếu nơi sự ấn chứng, hành nhân 'liễu ngộ' vẫn còn bám vào sợi chỉ ý thức, khiến đọa vào những ám ma và tăng trưởng tà kiến, thì phải làm sao ? Tai hại thật không thể lường ! Thỉnh cầu Ngài khai thị chúng con tại điểm thiết yếu này.

Đáp: Lão nhân thường nhấn mạnh rằng hành nhân phải so sánh kinh nghiệm cá nhân theo đúng tông giáo để được ấn chứng. Nghĩa là nếu tự dùng tri kiến của mình mà không thể gặp được minh nhãn thiện tri thức, những vị năng phân biệt chánh tà, thì phải tầm cầu kinh điển để ấn chứng.

Các bộ kinh như Lăng Nghiêm, Lăng Già, Viên Giác đều chỉ rõ công phu tu thiền cùng thể ngộ chân thật của tâm. Phải so sánh cảnh giới tự tâm với những tấm kính đó, và kiểm nghiệm xem coi có đúng như lời của đức Phật dạy bảo chẳng. Thế nên, có câu: " Dùng thánh giáo lượng làm minh cảnh (kiếng sáng) để chiếu soi tự tâm."

Đây không có nghĩa là lạm dụng những câu cú ẩn mật của kinh điển để biện minh cảnh giới tự tâm. Câu hỏi này là một ví dụ điển hình mà những kẻ đã bị mất câu thoại đầu thường nói. Chỉ có đức Phật mới hoàn toàn chân thật phơi bày tâm thức bịnh hoạn của chúng ta. Phần 'năm mươi ám ma' của kinh Lăng Nghiêm và 'tính chất thăng trầm của bảy loài' của kinh Lăng Già phơi bày rõ ràng về tà kiến của ngoại đạo và nhị thừa. Nếu đức Phật không diễn đạt rõ ràng, thì làm thế nào có thể biết cách thận trọng ngăn ngừa chúng ? Tôi nói nghĩa 'ấn chứng' tâm chỉ là như thế.

Do đó, phải dùng tấm kiếng của thánh giáo mà chiếu soi tự tâm, chứ không cần màng đến việc tham tầm giáo lý hay không. Nếu vẫn còn bị xoay về tập khí cũ, thì do nhiều nhân duyên khác, chứ không hẳn chỉ hạn cuộc ở việc tham tầm giáo lý !

Khai thị cho thiền sư Như Lang. (4/23) 6-24

Phật dạy: "Cạo bỏ râu tóc, mà làm Sa Môn. Rồi tham dục được tịch tĩnh, là điều quan trọng nhất."

Thế nên, biết rõ tham dục vốn là sanh tử, cũng là lộ đường đại sự quan trọng nhất. Vì vậy, phải nên thi thiết trì giới. Rồi xa tham dục, bèn đắc an ổn, tịch lạc. Sở dĩ chúng sanh trầm luân trong biển khổ, không thể mau lên bờ bị nạn, đơn độc chỉ vì tham dục quá hoạn. Phật dạy: "Trong các khổ đau, tham dục làm gốc. Nếu diệt tham dục thì các khổ đau không còn nơi nương tựa."

Chỗ nương y nhà cửa của mọi chúng sanh trong ba cõi, đều lấy tham dục làm nền tảng. Trần lao ngậy ngô, đều do tham dục làm huyền ảo. Hôm nay, vừa bỏ y chỉ theo tham dục, thì không có gì gọi là phá ba độc, xuất ra ba cõi, phá lưới ma cả. Khi ấy, đức Như Lai rất là hoan hỷ. Cho nên biết rõ, không rời năm dục, thì ba cõi khó phá. Muốn cầu tịch tĩnh giải thoát cũng khó, khiến Như Lai phải bi sầu.

Như Lang thiếu niên xuất gia, tham phương hành cước, nay gặp lão nhân, phát tâm Bồ Đề thọ giới Sa Di, chí tu hạnh ly dục, Đây chính là diệu hạnh phát nguyện xuất ly sanh tử bậc nhất, chỉ sợ chí không kiên cố, hành không đắc lực thôi.

Phật dạy rằng cần cù nhẫn thọ các sự khổ nhọc lâu dài, thì mới có thể đắc thành. Kế tiếp là phải có ý chí quyết định, tu thẳng đến khi thành Phật mới thôi. Đó chính là ý chí rời tham dục chân thật.

Khai thị cho thiền nhân Thạch Ngọc. (7/30) 6-25

Học nhân đời mạt pháp đa số hướng về những sự tu tập thô phù, mà không đi thẳng đến chỗ chân thật, nên ngay nơi những lời giảng dạy của Phật pháp, chỉ chấp trên danh tự ngôn ngữ, không đạt được tông chỉ rốt ráo, tăng thêm tri kiến, sanh đại ngã mạn. Đây là dùng Phật pháp mà kết thêm cội gốc sanh tử. Vì lúc mới phát tâm, không khởi bước từ việc sanh tử, cũng không biết sanh tử là vật chi, cứ bảo rằng chẳng có can hệ gì. Mê mờ đi trong đêm tối, nên không thể thấy được chánh lộ tu hành. Phật dạy người ngôn ngôn cú cú, đều là pháp xuất ly sanh tử, sao người đời nay ngược lại bị đọa? Việc này chẳng phải lỗi của Phật, mà lỗi tại học nhân không có chánh tri chánh kiến, chưa từng thân cận và được thiện tri thức chỉ điểm cùng thuyết phá trừ căn mê lầm.

Học nhân Thạch Ngọc, xưa đã từng tham kiến lão nhân tại ngoài miền Lãn Nam, lòng chân thật, nghiệp trong sạch. Lão nhân đồng du Ngô Việt, khắc tâm số sao Lãng Nghiêm Pháp Hoa, nhờ Thạch Ngọc xem lại, tham cứu tinh tường rồi châm chước, nên đắc được yếu chỉ bên ngoài lời nói của lão nhân. Nay lão nhân trở về Khuông Sơn dưỡng già. Ngày nọ, Thạch Ngọc năng làm bạn trong không gian u tịch, tham cứu việc hướng thượng, không bị tập khí văn tự làm sở tri chướng. Lão nhân phải đi. Thất Hiền Phong Đầu dùng phần trâu nấu khoai để đãi. Học nhân nên suy nghĩ !

Khai thị cho thiền sư Như Thường. (4/9) 6-26

Phật dạy:" Từ thân xuất gia, thức tâm đạt bốn, giải pháp vô vi, gọi là Sa Môn, thường hành hai trăm năm mươi giới."

Lại bảo:" Đoạn dục khử ái, nhận thức nguồn tự tâm, đạt Phật thâm lý, ngộ pháp vô vi."

Lại bảo:" Cạo bỏ râu tóc, mà làm Sa Môn, lãnh thọ Phật pháp, bỏ tiền tài riêng tư ở thế gian, khát cầu thủ túc, ngày ăn một buổi, mỗi đêm ngủ dưới một gốc cây, cẩn thận chớ xoay trở lại. Khiến người bị ngu si che mờ, đều do ái và dục."

Những pháp như thế, đỉnh ninh khổ ngữ dặn dò, chẳng ngoài việc bảo chú Phật tử, lúc vừa xuất gia, hạnh đầu tiên phải hành là xa rời dục lạc. Hậu thế tử tôn, thân tuy xuất gia, mà tâm lại say sưa nơi năm món dục, không biết sao phải hành pháp viễn ly, đạo nào là đạo xuất khổ não, chỉ miên man hôn mê, mà không tự giác; lại giả bộ phục sức oai nghi, dối trá hiện tướng oai đức; ngoài dối người, trong khi tâm mình; che đậy lỗi lầm mà chẳng biết tự giác.

Người muốn cầu chân tâm chánh niệm, thật hiếm có. Kinh Tịnh Danh nói rằng trực tâm là đạo tràng.

Như thường có chí cầu pháp xuất ly, phải lấy trực tâm làm đệ nhất nghĩa. Trân trọng.

Khai thị cho thiền nhân Khánh Vân. (4/8) 6-27

Người xuất gia phải rõ đại sự. Thứ nhất, tâm phải chân thật tha thiết vì sự sanh tử. Thứ hai, phải quyết định phát khởi ý chí xuất ra khỏi sanh tử. Thứ ba, phải xả mạng cho đến chết, quyết không thay đổi. Thứ tư, phải chân

chánh biết rõ thế gian là đau khổ, nên cực lực sanh tâm nhằm chán xa rời. Thứ năm, phải thân cận tuyệt thắng thiện tri thức, đầy đủ chánh tri chánh kiến. Thời thời thưa thỉnh, thưa sự theo lời giáo huấn, rồi y như lời dạy mà hành, tinh cần không giải đãi, không để năm món dục phiền não làm che chướng, không để tập khí xấu xa sai sử, không bị giao động vì bạn xấu, không bôn ba chạy theo duyên ác, không cho rằng vì độn căn mà tự thôi thối.

Như thế mà phát tâm và tiến bước, lâu ngày thuần thực, tự nhiên bao dung tương hợp với sở cầu nguyện xưa. Hiện đời, tuy chưa có thể liễu ngộ, thấy rõ tự tâm, nhưng trăm kiếp ngàn đời, cũng dựa theo ngày nay mà làm nhân địa sơ khởi tu hành. Nếu không như thế, chỉ dùng tri kiến thấp kém hẹp hòi, tập khí sôi nổi mỏng manh, tâm đua đòi theo thói cũ, lại muốn dùng khâu đầu thiên, tâm cuồng vọng, khí trọc uế, căn tà kiến, để làm chánh nghiệp xuất gia, rồi lấy đó mà vọng cầu xuất ra khỏi biển khổ, đó là thích chí siêu việt mà lại nghỉ ngơi, và không chịu đi mà cầu tiến bước.

Hy vọng người chánh tín trong đời mạt pháp, và những thiện nhân đã biết chỗ hướng tới, phải thâm sát nhận biết bản tâm, dùng đó làm đệ nhất nghĩa chân thật.

Khai thị cho thiện nhân Vô Sanh. (2/18) 6-28

Cổ nhân vừa mới phát tâm, chân chánh vì đại sự sanh tử, quyết chí xuất ly, nên cắt ái từ thân, tham phương tầm cầu thiện tri thức; trải qua bao gian nan khổ cực, tâm tâm niệm niệm, chỉ vì nhắm thẳng vào việc chưa sáng; ưu bi thống thiết, như khóc mẹ già đã chết. Gặp được thiện thiện tri thức như con thấy mẹ. Được nghe một lời hay nửa câu, liền khai mở tâm địa, như bệnh được thuốc. Một niệm nếu tương ứng, liễu ngộ nơi ngực, như kẻ nghèo được châu báu. Quãng thân bỏ mạng, nổi trôi bị bao khinh rẻ, mà chưa từng than van nản lòng. Nhị tổ Huệ Khả vì muốn an tâm mà chặt cánh tay. Lục tổ Huệ Năng đeo đá giã gạo. Bá Trượng làm chấp sự bao lao nhọc. Dương Kỳ làm công quả cúng dường đại chúng. Phạm danh tiết được truyền đăng chiếu soi thiên cổ, chẳng ngoài sự khắc khổ mà nên. Chư Phật trong đời quá khứ, cầu vô thượng Bồ Đề, xả thân mạng như số cát vi trần; không loài nào mà chẳng thọ thân; không thân nào mà chẳng tu khổ hạnh. Trăm kiếp tu nhân, nên cảm thiên thượng nhưn gian cúng dường vô lượng.

Mạt pháp tử tôn, vì thọ dụng nên mất phần công đức bất tận. Sao lại có trời sanh Di Lặc, và tự nhiên có Thích Ca ! Đau đớn thay ! Đời mạt pháp, đã xa

quá thời thánh giáo, phép tắc pháp môn để dùng quét đất. Hậu bối xuất gia, không biết vì việc gì. Sinh ra chỉ biết sợ đói lạnh, nên lo việc ẩm no. Vừa bước vào cửa không, bèn trở lại theo tục tập; đàm luận suông cả ngày, phùng phê tưng tình, để sáu căn chạy rong; chuẩn bị tạo các việc ác; không làm lung cực nhọc mà hưởng thức ăn ngon; không chần tằm mà mặc y đẹp; hư tiêu của tín thí, lãng phí thời giờ; không biết sanh từ đâu đến, chết sẽ đi về đâu ! Sao lại không biết nhân quả khó trốn thoát, và tội phước không sai chạy ! Đại hạn lâm chung đến, như đá chìm thẳng xuống nước; ba đường ác khổ cùng cực; một quả báo phải chịu cả năm ngàn năm, biết ngày nào mới được thoát khỏi.

Nhắc những lời này, đau xót chua cay. Mục kích thời lưu hiện tại, đều thao thao như thế. Hy vọng người tu phải như đãi cát lấy vàng, chẳng nên bảo là không có, vì vàng vẫn còn nguyên. Lao tù ba cõi, gồm cùng bốn loài, lửa lớn cháy phùng phụt, nhà sanh tử hiểm họa, làm thế nào để dừng mãnh thoát các khổ, đến nơi vô úy ? Chẳng phải là đáng trọng phu đầy đủ linh căn, hàm chứa bao cốt cách, thì không thể phân tấn dừng mãnh, nhất siêu liền nhập vào.

Các thầy sanh ra may mắn gặp được Phật pháp, hình vóc nương nhờ y ca sa, sớm gặp minh sư, sáu căn đầy đủ. Nếu không thống niệm vô thường, nghĩ ngợi thâm sâu về đại sự, tư duy khổ nơi địa ngục, mà phát tâm Bồ Đề, sửa đổi trở lại, ngày đêm tinh cần, sớm cầu xuất ly, lại cứ dần dà sống qua ngày, phóng túng thân tâm, thì lúc đại hạn đến, hối hận sao kịp ! Hãy nên cố gắng mà hành. Nếu quên lời khuyên răn nhắc nhở của tôi thì phụ lòng tôi và cũng chính là tự phụ mình.

Khai thị cho thiên nhân Tự Tông. (8/4) 6-29

Phật dạy đệ tử tu pháp xuất thế, chỉ có hai loại điều hạnh là tự lợi và lợi tha. Lợi tha gọi là tu phước. Tự lợi gọi là tu huệ. Bồ Tát phát tâm, cần cầu đạo Bồ Đề vô thượng. Bồ Tát tuy biết pháp tánh là lặng lẽ không tịch, mà chẳng xả các hạnh hữu vi. Biết các pháp vốn không tịch tức là tự lợi. Không xả các hạnh hữu vi gọi là lợi tha. Từ trên chư Phật Tổ, chưa có ai chẳng từ hai hạnh này mà được xuất ra khỏi sanh tử. Đức Thế Tôn bao kiếp tinh cần tu bao khổ hạnh nan hành. Chúng ta từ bao kiếp dài lâu, lặn hụp trong biển sanh tử, đầu xuất đầu mất, xả thân thọ thân, không thể nghĩ bàn, đều là sống hư chết phí, thì làm sao có một chút gì là hạnh môn chân thật ! Nếu có hạnh chân thật thì quyết sẽ không như mặt mũi đời nay. Sao không thống niệm, mà hồi quang phản chiếu, dừng mãnh tự suy gẫm.

Đời nay thiên nhân may mắn do túc duyên, sớm đã thoát tục, mãi rời biển khổ, lại được an cư tại danh sơn, nơi đạo tràng thắng diệu mà chư tổ thường thuyết pháp. Đây là duyên lành muôn kiếp khó gặp. Chính là đời gặp tiệc vua. Bệnh gặp dược vương. Tự phải biết mình may mắn vô ngần, rồi tận suốt cả đời, xả bỏ thân mạng, làm những công đức đó, thì vượt trội trăm kiếp ngàn đời thường sống vô tích sự.

Thiên nhân hãy tin lời của lão nhân, từ rày về sau, phát tâm kiên cố bất thoái, trì chí dũng mãnh can cường, tận hết sức lực, lượng hết tài năng, biến một mảnh tâm khăng khít, nhậm duyên tùy nguyện, nhịn tâm nhịn phiền, nhẫn khổ nhẫn lao, thì sẽ có một ngày thành tựu một loại công đức, tức đã hơn một đời sống vô vị rồi.

Thiên nhân tự bảo thân yếu thần mệt, không thể lãnh nhậm sự việc. Cổ nhân quý tại tâm lực cường, nguyện lực lớn, chứ không kể tại sắc thân khoẻ hay không khoẻ. Nay tuy có bệnh soàng không quá khô nhọc. Nếu tạo nghiệp ác, đọa nơi ba đường ác, thì có cầu như hôm nay bịnh ít, thân tâm phiền não ít, hay tạo lợi ích trong ruộng phước, cũng chẳng được. Phật bảo chúng sanh, phải nhớ khổ nơi địa ngục, mà phát tâm Bồ Đề, tức chính là bây giờ phải nên sách tấn, phát khởi tinh tấn.

Cổ đức bảo rằng thà chết mà có pháp, còn hơn sống mà chẳng có pháp. Xả bỏ thân mạng này, làm những điều hạnh đó, ví như chiếc thuyền Bát Nhã, có thể đạt đến bỉ ngạn. Câu nệ chi mà không cố gắng cương ý chí, để phụ bạc bỏ hư cuộc đời này ! Đã đến núi báu, lại trở về tay không. Sao không tiếc thay !

Nếu năng an tâm nơi vô sự, tức tâm không. Tâm không tức thân chẳng mệt. Thân chẳng mệt tức thân không lao nhọc. Đó là diệu hạnh vô tác. Gặp duyên tức là tông thú; quyết không để công việc thường ngày xoay chuyển. Nơi nơi đều thành tựu môn đại giải thoát. Xin hãy suy gẫm cho kỹ.

Khải thị cho thiên nhân Tự Giác. (8/13) 6-30

Phật bảo chư tỳ kheo, mỗi sáng sớm phải tự lấy tay xoa đầu. Lời này thật thâm thúy. Lão nhân mỗi mỗi suy gẫm, đức Phật từ bi thống thiết triệt xương tủy, hằng bảo rằng mật pháp tỳ kheo, đa số thường thọ dụng, an cư tứ sự, cùng bao loại cúng dường. Mỗi mỗi tự bảo đó là điều ưng phải được, mà không xét coi mình là người gì, vật cúng dường từ đâu đến, làm thế nào mà thọ nhận !

Người biết ân thì hiếm, và người báo ân thì ít, chỉ vì chưa chịu rờ đầu. Nếu chịu rờ đầu, thì bất giác tự hoảng sợ, thốt lời rằng tại sao mình cắt bỏ râu tóc, không mặc y phục người thế tục ! Biết hình dạng khác tục, nên không dám cư trú gần người thế tục; thân không dám vào chốn thế tục; tâm không dám niệm nhớ thế tục. Như thế tức là an lạc nơi hạnh viễn ly. Không đợi thiện tri thức dạy bảo, mà tự phát tâm dũng mãnh, vào núi chỉ sợ núi không sâu.

Song, có những hạng thầy tu lại an nhiên trú ngụ trong phần hoa đô thị hỗn tạp, phóng túng thân tâm, để làm người vô loại, và làm bao hạnh vô ích.

Thiền nhân Tự Giác hướng trụ nhân gian, đến Khuông Sơn lễ bái lão nhân, nguyện khô tâm trụ núi, tu hạnh xuất thế. Lão nhân vì đó chỉ dạy hạnh phước huệ song tu. Tu huệ tức tại quán tâm. Tu phước tức hành nơi vạn hạnh. Quán tâm dùng niệm Phật làm phương pháp tối thắng. Vạn hạnh dùng sự cúng dường làm đầu. Hai việc này, chính là hạnh tổng trì. Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta khởi tâm động niệm, đều là vọng tưởng, tức cội gốc của sanh tử, nên phải chiêu lấy quả khổ. Ngày nay dùng tâm vọng tưởng đó, chuyển làm tâm niệm Phật, tức niệm niệm thành nhân Tịnh Độ, đó là quả an lạc. Nếu niệm Phật mà tâm tâm không gián đoạn, thì vọng tưởng sẽ tự tiêu diệt. Ánh sáng của tự tâm phát lộ, và trí huệ hiện tiền, tức thành pháp thân Phật.

Chúng sanh bản cùng không phước huệ, do sanh sanh thế thế, chưa từng có một niệm cúng dường Tam Bảo, để cầu phước đức. Ngại vì sanh tử làm khô thân, và niệm niệm tham cầu sự vui của năm món dục lạc, mà đó chính là tư lương của gốc khổ. Bây giờ, dùng tâm tham cầu, chuyển thành tâm cúng dường Tam Bảo. Đem thân mạng hữu hạn, tùy tâm lượng lực, mà cúng dường mười phương. Dùng một cây hương, một nhánh hoa, một hạt gạo, một cọng rau, để cúng dường như nhỏ một giọt nước vào biển cả. Một hạt bụi vi trần rơi xuống đất. Biển có lúc khô, và đất có lúc cùng tận, mà phước báo kia chẳng cùng tận, nên cảm Phật quả, trang nghiêm cõi Hoa Tạng, để làm nơi tự thọ dụng trong tương lai. Bồ hạnh này thì không có diệu hạnh thành Phật khác.

Thiền nhân nếu sanh mỗi một chán chường, hãy tự xoa đầu, tức sẽ tự phát tâm dũng mãnh vô lượng.

Khai thị đại chúng. (7/48) 6-31 

Gần đây các thiếu niên ở khắp nơi, thường tự bảo chí tham thiền. Song lúc tương kiến đối đầu, tôi nhận thấy họ đều là những kẻ điên đảo. Họ gìn giữ vọng tưởng làm thế nguyện, dùng sự làm biếng giải đãi làm công phu khổ nhọc, dùng phô trương ngã mạn làm hạnh cao, dùng môi lưỡi giỡn chơi làm cơ phong, dùng chấp ngu si làm sự hướng thượng, dùng phản bội Phật Tổ làm tự thị, dùng trí huệ ranh mãnh làm diệu ngộ. Thế nên, mỗi khi vào tùng lâm, thân nghiệp không thể nhập vào đại chúng, và miệng ý không thể hòa với mọi người. Buông lung tình ý, chẳng tu ba nghiệp, mà cho lễ bái tụng niệm là hạ liệt, cho hạnh môn (công việc trong chùa) là thấp kém, cho Phật pháp là oan gia, cho văn lượm lặt làm tri kiến của mình. Tuy họ có khả năng khởi công phu khán thoại đầu, nhưng lại đem tâm tầm cầu giác ngộ. Ngồi trên tấm bồ đoàn chưa vững, ngủ gật chưa tỉnh, mộng cũng chưa thấy chính mình, bèn cống cao tự phụ, rồi viếng thăm chư thiện tri thức, thuyết huyền thuyết diệu, trình ngộ trình giải, và đưa câu cú chưa hạ lạc, hồ đồ cầu ẩn chứng.

Nếu có phước duyên, gặp minh nhãn thiện tri thức, được đập vỡ khuôn sáo đó, thì đó là điều may mắn. Nếu không may mắn, chỉ gặp những kẻ với tay khua đàn, tu thiền mù, rồi dùng bí đao mà ấn dấu, và ném họ xuống hang hố ngoại đạo, đọa lạc trăm ngàn muôn kiếp, không có cơ may ngoi đầu lên được. Chẳng đáng thương lắm sao ! Những kẻ hậu bối ngu si này, tự làm mất chánh nhân, lại gặp nạn tà độc. Nếu gặp được Lâm Tế, Đức Sơn, chắc cũng không thể cứu giải mê chấp cho họ. Thật đáng thương thay ! Bệnh trạng của thiền môn là tại chỗ này.

Xin hãy rõ xem, từ xưa cổ nhân quyết không phải như thế. Tổ Bá Trượng hầu Mã Tổ thường ra đồng làm ruộng. Công án 'chạm vào cái xuống' và 'vịt trời' là những nơi khám nghiệm công phu chân thật. Thế nên, tổ Bá Trượng mới để lại lời răn nhắc: " Một ngày không làm là một ngày không ăn."

Lại nữa, thầy Dương Kỳ làm tri sự cho ngài Từ Minh, hơn hai mươi năm hành môn chấp sự tháo vát, chịu trăm ngàn khổ cực, mà chưa từng nản lòng hay than phiền vì lao nhọc, nên đắc được tạng quang minh rộng lớn, soi sáng cổ kim.

Ngài Lai Dung lưng vác gạo, và tổ Hoàng Mai xay gạo; xem qua cổ nhân, không ai chẳng trải qua bao khổ nhọc mới đạt thành tựu. Làm thế nào mà những kẻ thiếu niên, vừa vào tùng lâm, liền muốn lấy việc tham thiền làm hướng thượng, chỉ vẽ tòa ngồi, hiện thành nơi thọ dụng, chứ không động tay áo, chẳng nhặt một cọng cỏ. Những người bạc phước, tuyệt không có tâm

xấu hổ. Dầu có diệu ngộ, mà chỉ biến thành những điều trơ trẽn, nên không được trời người cúng dường. Huống là không chân thật dụng công tu hành, chỉ làm hư tiêu của tín thí, cam đoạ trầm luân !

Nếu người vì sự sanh tử, phải quán xem đức bốn sư Thích Ca Mâu NI Phật, nơi ba ngàn đại thiên thế giới, không có một hạt cải vi trần nào mà chẳng phải là nơi xả bỏ đầu mắt tủy não để cầu Bồ ĐỀ. Phải phát tâm đồng mãnh như thế. Phải xả bỏ tận cùng tánh mạng. Bồ thí bộ xương thú cho mười phương, và cúng dường đại chúng. Nơi tất cả hạnh môn, chuyên cần khổ nhọc tháo vát mà hành. Làm những việc khó làm. Nhẫn những việc khó nhẫn. Trong những hoạt động hằng ngày, nơi cửa ngõ của sáu căn, đâm xuyên và thấu suốt, thì đắc được pháp giải thoát. Cổ nhân bảo:" Thuận theo nhân duyên mà nhập vào, liền được tương ứng."

Dụng tâm như thế, trong ba mươi năm không thay đổi, nếu chưa ngộ đạo, quyết sẽ là người đầu đội trời chân đạp đất.

Quý vị ! Lão nhân nay yết cáo với chư đồng tham học !

Khai thị cho thiền nhân Bảo Quý Bốn Tịnh. (2/50) 7-32

Thiền nhân Bảo Quý, tự dụng tâm thủ hộ Phật pháp. Lúc trẻ viết kinh Pháp Hoa và các bộ kinh khác. Mộ tiền tạo hai thánh tượng Thích Ca và Di Đà bằng chiên đàn, để nơi Đỉnh Hồ ở Đoan Châu. Lúc qua lại Ngũ Dương, nghiêng đầu thỉnh vấn. Tôi bảo rằng Phật dạy các pháp từ duyên sanh, các pháp từ duyên diệt. Thế nên biết rõ tất cả pháp do duyên hội mà sanh; duyên hội mà sanh, tức duyên chưa sanh thì không có; duyên chưa có, tức tuy có mà tánh thường tự không. Tánh không tức chư pháp vốn chẳng có tự tánh. Vì vậy bảo rằng biết pháp thường vô tánh. Hạt giống Phật từ duyên khởi. Người năng đạt duyên khởi vô tánh, tức là hạt giống chân chánh thành Phật.

Thiện tai Phật tử ! Thầy đã viết các quyển kinh pháp, cùng tạo các thánh tượng Như Lai bằng gỗ chiên đàn. Dùng tín lực làm nhân, mượn các huyền hóa làm duyên, đó là Phật từ duyên khởi, mà pháp cũng từ duyên khởi. Nơi trong pháp tánh, pháp tức là Phật, và Phật tức là pháp, nhưng không xem xét kỹ rằng nếu pháp tánh là không, thì tánh chẳng không. Nếu bảo tánh không, tức nay thấy tướng hảo trang nghiêm của Phật, quang minh sáng chói, hừng thạnh như núi báo, mà tám mươi quyển kinh linh văn Hoa Nghiêm, thứ lớp ba mươi chín phẩm, năm vòng nhân quả hạnh bố, bốn mươi hai quả vị thâm nghiêm, không thiếu một chữ. Ba lần thọ ký trong kinh Pháp Hoa, cùng lễ lạy chư Phật trong hồng danh sám pháp, không thiếu một người. Toàn hình

sáng sửa rực rỡ đầy mắt, có thể bảo là tánh không vô vật chẳng ? Nếu bảo tánh này chẳng phải là không, thì lúc duyên hội tụ, giấy vẫn là giấy, mực vẫn là mực, vàng tự là vàng, hương tự là hương. Giấy mực như thế, đều vì thế để mà lưu bố. Vàng hương như thế đều vì ác nghiệp mà trang nghiêm. Danh từ Phật pháp từ đâu mà có ! Cầu kia vốn không, tức tánh tự không. Nay do duyên tụ hội, tức dùng vàng hương của thế để mà cho là Phật, tức dùng giấy mực của thế để mà cho là kinh. Hiện thời, tương giấy mực không khác, và xưa kia thế không tăng. Danh tiếng Phật pháp đã rõ rệt, bèn khởi tâm cung kính hay ngạo mạn khiến cách ngăn, để trợ người thành thực; tuy không dám cổ võ, mà cơ thiện ác thấu suốt trời xanh. Do đó, quán xét tất cả các pháp, vốn không tự tánh; rõ ràng chỉ từ duyên khởi. Năng liễu đạt Phật pháp vốn không có tự tánh, đây chính là hạt giống chân chánh thành Phật.

Song, tuy tạo bao nghiệp lành thù thắng, mà không thẩm xét liễu đạt vô tánh mà làm, thì do làm nên sau này sẽ liễu đạt được vô tánh. Nếu liễu đạt vô tánh mà làm, tức Phật pháp ngay nơi mình mà không ở nơi vật. Nếu không liễu đạt mà làm, thì Phật pháp ngay nơi vật chứ không ở chỗ mình. Nếu do làm mà sau này được liễu đạt, thì mình và vật đồng vô tánh. Đạt được vô tánh, tức không có người năng tác. Đạt được pháp vô tánh, tức không có pháp để làm. Người và pháp đều không, thì thị phi đều tiêu mất, tức mình và vật đều không còn dấu tích, sao còn phân biệt chỗ nào ! Nếu đạt được như thế thì công đức không thể nghĩ bàn. Đạo Bồ Đề cũng không thể nghĩ bàn.

Chư Phật tử ! Hiểu biết như thế, chính là hiểu biết chân chánh. Hành được như thế, thì đó là diệu hạnh. Sao dùng tâm suy nghĩ mà làm những việc Phật sự khó suy tư ! Ví như tay cầm lửa đóm đóm mà muốn đốt núi Tu Di, thì chỉ tự mệt nhọc chứ có ích lợi gì, và rốt ráo ở chỗ nào !

Lành thay chư Phật tử ! Hãy xem rõ pháp vương pháp. Pháp vương pháp là như thế, phải nên biết mà hành và trì theo đó, mới gọi là vượt trên hết các loài hữu tình !

Khai thị cho thiên nhân Chân Ngộ. 7-33

Thiên nhân Chân Ngộ sanh trưởng tại Lô Lăng, chán vợ con mà xuất gia, thích hạnh viễn ly, chí hướng danh sơn, tham tầm tri thức. Người huyễn dùng nghiệp huyễn, chọn hóa đến Lãnh Hải. Vừa đến tham tầm, thiên nhân lại từ biệt qua Phổ Đà lễ thầy Quán Âm, thọ kệ chúc của Phật Tỳ Xá Phù, rồi lại đến Ngũ Dương.

Huyền nhân nơi đạo tràng huyền hóa, làm Phật sự như huyền, khai thị chư huyền chúng, thuyết pháp môn như huyền. Thiên nhân lễ bái thỉnh ích. Huyền nhân lại y tam muội như huyền, mà thuyết tất cả chư pháp như cảnh giới mộng huyền, bảo:" Lành thay Phật tử ! Hãy thiện tư duy ! Tất cả chư Phật y huyền lực mà thị hiện. Tất cả Bồ Tát y huyền lực mà tu trì. Tất cả nhị thừa y huyền lực mà thủ tịch. Tất cả ngoại đạo y huyền lực mà hôn mê. Tất cả chúng sanh y huyền lực mà sanh rồi tử. Thiên cung tịnh độ y huyền lực mà kiến lập. Quỳnh lâm bảo thọ y huyền lực mà bày biện. Giường thiếc trụ đồng y huyền lực mà thi thiết. Vạc nóng lò than y huyền lực mà xông lên. Lân giáp mao vũ y huyền lực mà bay ẩn. Sâu bọ nhện gián y huyền lực mà sống. Ngoài ra, chỗ chúng đắc của ba đời chư Phật, và sự truyền thừa của sáu đời tổ sư, cũng hoàn toàn không vượt ngoài lưới huyền này."

Tam muội thiên nhân vừa được mà lại bỏ mất. Hãy thử suy nghĩ cho kỹ, vì sao bị đạo lạc vào vòng sanh tử, vì sao nhập vào thai mẹ, vì sao chìm trong ái tình triền phược, vì sao nguyện xuất trầm luân, vì sao khởi bước du phương, vì sao tầm cầu thiện tri thức, vì sao lê giày đến danh sơn leo lên vùng đất phước ? Xuyên tủng lâm vào hệ xã, rồi năm nay đến Nam Hải, năm kế tới Ngũ Đài, năm kế nữa đến Nga Mi, cứ đi khắp hoàn vũ, trải qua bao trần kiếp, cùng tận mười phương quốc độ nhiều như số vi trần, thừa sự mười phương chư đại thiện tri thức, mà chẳng thoát khỏi môn đầu huyền hóa, vì không phải là nơi rất ráo chân thật. Lúc mê làm cho bóng là đầu, không dò dẫm được đường về nhà, mà có thể đập một cú đứt đoạn được huyền kết, tức vô biên lưới huyền nhất thời đều đốn tiết. Bao bờ bể huyền hải, nhất thời đều khô cạn. Vô lượng huyền nghiệp, nhất thời đốn tiêu. Vô biên huyền hạnh, nhất thời bèn đắc được. Vô lượng chúng sanh huyền hóa, nhất thời bèn độ tận. Đây tức là dùng huyền để tu huyền. Vì vậy bảo rằng tâm huyền hóa của chúng sanh lại phải y huyền mà diệt.

Nếu chưa được như thế, thì phải trải qua ba lần sanh sáu mươi kiếp, tôn Văn thù làm cha, Quán Âm làm mẹ, Phổ Hiền làm thầy, để nương nhờ thân cận những nhân này, cầu mong xuất sanh tử. Hãy suy nghĩ cho kỹ ! Đây chẳng phải bảo rằng Ta vì người huyền hóa, và lời nói cũng không chân thật. Than khán ! Tham khán !

Khai thị cho thiên nhân Pháp Cầm. (2/54) 7-34

Pháp Cầm tự bảo tánh nhiều sân hận. Lão nhân vì thế mà chỉ dạy phương tiện để điều phục, tức là pháp môn nhẫn nhục. Đại sư Vĩnh Gia có dạy:"

Thầy của Ta được thấy Phật Nhiên Đăng nhiều kiếp, do vì làm tiên nhân nhục."

Do đó, biết rõ hạnh nhân nhục là diệu hạnh thành Phật bậc nhất. Vì thế, thầy của Ta, Phật Thích Ca, sanh sanh thế thế, bị Đề Bà Đạt Đa phi báng hãm hại, cho đến đời nay cũng dùng bao cách phá Phật pháp, chẳng có việc gì mà không dám làm. Đề Bà Đạt Đa đã giết hại thân mạng tiền thân của Phật chẳng phải là một. Song, trong pháp hội giảng kinh Pháp Hoa, đức Phật lại thọ ký cho ông ta: "Ta được ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, công đức thắng diệu, đều nhờ thiện tri thức Đề Bà Đạt Đa hỗ trợ mà thành tựu."

Đây chẳng phải do yếu hạnh nhân nhục sao ! Phật lại bảo: "Xưa kia, lúc bị vua Ca Lợi cắt đứt thân thể, Ta không còn có tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Nếu còn có tướng ngã, chúng sanh, thọ giả thì chắc có lẽ Phật Nhiên Đăng sẽ không thọ ký cho Ta."

Do đó, quán xem tất cả chúng sanh sanh tử khổ não tràn đầy, đều do có bản ngã. Thành tựu đạo Bồ Đề vô thượng, trang nghiêm phước huệ, đều do vô ngã mà đạt được. Do ngã địch đối với vật nên sanh thị phi. Thị phi sanh khởi tức thương ghét lập ra. Thương ghét lập rồi thì thêm nhiều vui buồn giận tức. Tự tánh vẫn đục thì tâm địa hôn mê. Tâm địa hôn mê thì các việc ác sanh trưởng. Các việc ác tăng trưởng thì các khổ hội tập. Các khổ não hội tập thì sanh tử dài lâu. Tất cả đều do chấp ngã mà ra. Cái ngã này thật rất lợi hại, giống như quân binh giữ thành trì nghiêm ngặt, không thể phá dễ dàng. Lão Tử có bảo: "Đem nhu thắng cương. Đem nhược thắng cường bạo."

Đây là chỗ hành sơ khởi nhất của hạnh nhân nhục.

Chúng sanh nương nhờ vào cái ngã kiến kiên lao khó phá này. Vì vậy, một lời nào trái tai thì không thể nhẫn thọ được; một việc trái ý thì không thể an nhẫn. Một lạnh một đói cũng không thể chịu nổi. Một niệm dục không thể tẩy tịnh. Tất cả đều không biết phương dục của nhân nhục, cứ mãi tăng thêm kiến chấp về bản ngã. Vì vậy, Phật dạy chư đệ tử phải nên tu hạnh hòa hợp. Lại bảo: "Khổ pháp nhẫn, khổ pháp trí."

Lại bảo: "Vô sanh pháp nhẫn."

Bồ Tát bát địa mới đắc được. Vì vậy, biết rõ sanh khởi pháp nhẫn, nhẫn đến vô sanh, tức thành tựu diệu hạnh viên giác Phật quả. Hạnh nhân nhục, há thô thiển sao !

Thế nên bảo rằng làm tất cả mọi việc, đều phải dùng sức nhẫn nhục; nghĩa là nơi cử tâm động niệm đều là chỗ thử thách tâm nhẫn nhục. Nơi cử chân động bước, phải dùng nhẫn nhục làm đầu. Nơi xoay sở động dung, phải trì nhẫn nhục. Nơi buồn vui giận tức, phải dùng nhẫn để thử nghiệm. Hành được như thế, thì tâm không tán loạn vọng động. Thân không tán loạn vọng tác. Sự không tán loạn vọng hành. Tình không tán loạn vọng phát. Thế nên Lão Thị bảo: " Bất tán loạn là hạnh đầu tiên của thiên hạ."

Bất tán loạn tức là tên khác của nhẫn, và là hạnh đầu tiên của thiên hạ.

Vì thế, nhẫn là hạnh thành Phật bậc nhất. Hành được thì nhẫn nhục thêm lớn và bản ngã lại nhỏ đi. Nhẫn năng y che khuất bản ngã và cũng năng y che khuất vật. Đức tự lợi lợi tha, không ngoài hạnh nhẫn. Y phục nhu hòa nhẫn nhục là như thế đó.

Thiền nhân cầu pháp ngữ, nên tôi đề viết: " Hãy lấy nhẫn nhục làm y giáp."

Thiền nhân nên gắng sức mà hành. Đây chẳng phải là lời lẽ trên đầu môi chót lưỡi, cũng chẳng phải là bày biện tiệc cơm.

Khắc bài tựa về Phật sự Du Già. (20/6) 7-35

Đức Phật thiết giáo, dùng lý nhất sanh tử, thông cõi u minh, đạt đến tình thức loài quý thân, độ tận tất cả chúng sanh, dẹp trừ tất cả khổ não. Vì vậy bảo rằng từ bi làm duyên. Gieo duyên với chúng sanh khổ não. Nếu chúng sanh không bị khổ não kịch liệt, thì không thể thấy lòng từ bi quảng đại.

Do đó mà có giáo lý Du Già tự đến. Tiếng Phạn chữ Du Già, nơi đây gọi là Tương Ứng, tức bảo rằng tâm cảnh biểu đạt như một. Song, giáo có hiển và mật. Hiển tức là trực chỉ bản nguyên tâm thể của chúng sanh, khiến họ liễu ngộ, để thoát khỏi sự ràng buộc ràng rịt của sanh tử. Lại nữa, chư Phật ẩn tâm, là dùng thần chú, tụng diễn để gia trì, khiến chúng sanh đốn thoát các khổ não kịch liệt, và đều thiết lập quy thức độ sanh.

Chân ngôn vốn từ bộ Quán Đảnh, để phá trừ u minh, cứu vớt các vong hồn lưu lạc. Khởi đầu do tôn giả A Nan, vào một buổi tối, đang ngồi thiền trong rừng, thì thấy quỷ vương hiện ra trước mặt, cầu khai mở pháp thí thực, nên chú nguyện thức ăn nước uống; phổ tế hà sa, đều xuất từ thần tạng Tây Vực, rồi lưu truyền qua cõi Chấn Đán. Từ đó, ngài tam tạng Bất Không tuyên dương mật ngôn. Dần dần đến đời vua Lương Võ Đế, nhân hoàng hậu Hy Thị bị đọa làm thân rắn mãng xà, hiện hình cầu cứu độ, nên nhà vua thỉnh

hòa thượng Chí Công, vân tập chư đại đức sa môn, soạn ra văn nghĩa đàn tràng Thủy-Lục-Không, tức thông ba cõi, những loài tình thức u hiển linh kỳ. Từ đó, tăng đồ nương theo nhân này, làm Phật sự Du Già, đến nay rất lâu.

Đến đời vua Hồng Võ (Chu Nguyên Chương), ông lập quy chế, dùng ba khoa thiền, giảng, Du Già tam đề độ tăng; dùng ba bộ kinh Lăng Nghiêm, Lăng Già, Kim Cang của Phật Tổ để thử nghiệm chư tăng giảng pháp và hành thiền; dùng diệm khẩu thí thực, văn sao tân tế để thử nghiệm chư tăng hành pháp Du Già. Nếu đậu một trong những điều kiện thi đó, thì mới được làm tăng. Ngày nay ở vùng nam bộ, chùa Thiên Giới theo thiền, chùa Báo Ân theo giảng pháp, chùa Năng Nhân theo Du Già. Nơi nơi đều tôn thủ chế độ của quốc gia. Song, kể từ đó, pháp này dần dần theo thế tục mà sinh lắm điều tệ hại. Họ dám phá luật nghi, xem như trò chơi, làm mất đi bốn hoài độ sanh của Như Lai, tức ý xưa vì chư hiếu tử thương thân bằng quyến thuộc, mà Ngài thuyết ra chân ngôn mật chú, diễn bày tâm ấn của chư Như Lai; thuyết một bài kệ bèn biến địa ngục thành cõi tịnh độ; tuyên một lời vạc dầu liền thành ao sen; pháp âm phổ cập khiến tội đều tiêu diệt; nghe tiếng chuông liền bèn trở về gia đình, thì sao lại cho là việc nhỏ ! Bỏ mất ý chỉ đó, mà làm những việc vô ích, khiến tự tổn hại, cứ vẫn chưa tỉnh !

Sở tăng nọ vì muốn học Du Già, nên theo Tuyết Lăng cùng chư đại đức, nghe giảng kinh luận, hiểu ý chỉ độ sanh của Như Lai, cùng nơi quy hướng. Bui ngủi vì pháp môn này ngày càng lưu hành thậm tệ, nên lấy quyền văn nghi thức Thủy-Lục-Không mà soạn lại khoa nghi, tùy thời mà thay đổi, phân điều chiết lý, chương chương rành rẽ, khiến cho những ai cầu nguyện, vì thân bằng quyến thuộc, tận khởi tâm thành, và sa môn Thích tử cũng triển chuyển được tâm bi, khởi tâm chí thành, hầu mong không quên mất bốn ý của Như Lai, tức vì sự ích lợi cho kẻ khác. Soạn tập xong, thì Thầy tịch mất. Môn nhân chúng ta, phải nên kế thừa chí nguyện của Thầy, mà khắc bản này để lưu truyền, giúp người làm Phật sự, tránh khỏi sai lầm, phiền hà về những thuật thần bí. Những ai có ý chí khẩn thiết tinh thành, và hiếu tử vì từ thân đời hiện tại, mỗi mỗi phải tận tâm cầu đạt thần minh, thì công đức này không phải là ít ỏi.

Hôm nay vì có người khẩn cầu, tôi vì những vị có tâm làm lợi ích cho quần sanh, và đều vì diệu hạnh, mà viết lời tựa cho pháp Du Già, hầu mong người người đều biết bốn hoài ý chỉ của Phật để lại.

HẾT